

Hải Phòng, ngày 11 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận thí sinh trúng tuyển hệ liên thông vừa làm vừa học ngành Điều dưỡng và Kỹ thuật xét nghiệm y học năm 2020

HIỆU TRƯỞNG – CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH 2020 TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ công văn số 237/YDHP-ĐTĐH ngày 04/05/2020 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu năm 2019 và xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2020 trình độ TS, ThS, ĐH, trình độ CĐ ngành Giáo dục mầm non;

Căn cứ Đề án tuyển sinh năm 2020 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Thông báo số 687/TB-YDHP, ngày 22/10/2020 về tuyển sinh đào tạo liên thông vừa làm vừa học trình độ đại học năm 2020;

Căn cứ vào biên bản họp hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2020 của Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận trúng tuyển vào Trường Đại học Y Dược Hải Phòng hệ liên thông Vừa làm vừa học ngành Điều dưỡng và Kỹ thuật Xét nghiệm y học từ Cao đẳng lên đại học năm 2020 cho **557** thí sinh trúng tuyển gồm:

+ Điều dưỡng: **454**

+ Xét nghiệm y học: **103**

(Có danh sách trúng tuyển kèm theo)

Điều 2: Giao cho Phòng Đào tạo đại học làm các thủ tục cần thiết để triệu tập các thí sinh về nhập học và tổ chức đào tạo.

Điều 3: Các ông (bà) Trưởng Phòng Đào tạo Đại học, Tài chính kế toán, Hành chính – tổng hợp, trưởng các đơn vị trực thuộc có liên quan và các thí sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu ĐTĐH;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. *Nguyễn Văn Khải*

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TUYỂN SINH HỆ LIÊN THÔNG VỪA LÀM VỪA HỌC NGÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC NĂM 2020
(Kèm theo QĐ số 1773/QĐ-YDHP, ngày 11 tháng 12 năm 2020 V/v công nhận thí sinh trúng tuyển hệ liên thông vừa làm vừa học ngành Điều dưỡng và Kỹ thuật xét nghiệm y học năm 2020)

STT	Tên ngành học	MÃ HỒ SƠ	Họ	Tên	NGÀY SINH	Học Bạ (Lớp 12)			Điểm TBC hệ Cao đẳng (4)	Khu vực	Điểm ưu tiên khu vực (5)	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng (6)	Tổng điểm (1+2+3+4+5+6)	Ghi chú
						Toán (1)	Hóa (2)	Sinh (3)							
1	KT Xét nghiệm y học	XNHD37	NGUYỄN	ĐỨC TÙNG	14/09/1999	9.50	8.70	8.30	8.20	2	0.25	ƯT3	0	34.95	
2	KT Xét nghiệm y học	XNHD12	NGUYỄN	THU HÀ	24/08/1999	8.70	8.40	8.20	8.60	2NT	0.50	ƯT3	0	34.40	
3	KT Xét nghiệm y học	XNTH10	Nguyễn Thị	Hà	08/07/1991	9.10	7.80	8.10	7.63	2	0.25	ƯT2	1	33.88	
4	KT Xét nghiệm y học	XNHD04	NGUYỄN	THỊ THÚY QUỲNH	21/05/1997	7.80	8.80	8.60	7.61	2NT	0.50	ƯT3	0	33.31	
5	KT Xét nghiệm y học	XNHD17	THÁI	THỊ QUỲNH TRANG	29/01/1998	8.60	8.50	9.20	6.75	2	0.25	ƯT3	0	33.30	
6	KT Xét nghiệm y học	XNTH17	Lê Thị	Hồng	08/07/1988	9.00	8.70	7.00	7.35	2	0.25	ƯT2	1	33.30	
7	KT Xét nghiệm y học	XNHD07	NGUYỄN	THỊ HÒA	02/01/1991	8.80	7.30	8.60	7.31	3	0.00	ƯT2	1	33.01	
8	KT Xét nghiệm y học	XNHD24	LÊ	THỊ THU HƯỜNG	20/12/1990	8.60	8.50	7.50	7.41	3	0.00	ƯT2	1	33.01	
9	KT Xét nghiệm y học	XNHD06	VŨ	THỊ MAI	21/12/1996	7.80	9.50	8.10	6.77	1	0.75	ƯT3	0	32.92	
10	KT Xét nghiệm y học	XNTH18	Lê Văn	Hùng	24/05/1986	7.20	8.50	9.10	6.58	2NT	0.5	ƯT2	1	32.88	
11	KT Xét nghiệm y học	XNHD42	NGUYỄN	HÙNG THÀNH	18/11/1997	8.20	8.10	9.00	7.20	2	0.25	ƯT3	0	32.75	
12	KT Xét nghiệm y học	XNTH29	Hồ Thị	Nguyệt	14/05/1996	8.30	8.30	8.10	7.42	2NT	0.5	ƯT3	0.00	32.62	
13	KT Xét nghiệm y học	XNHD03	NGUYỄN	VÂN ANH	03/08/1997	8.20	8.20	9.40	6.77	3	0.00	ƯT3	0	32.57	
14	KT Xét nghiệm y học	XNTH34	Nguyễn Thị Thu	Phương	02/09/1987	8.60	6.10	8.40	8.03	2	0.25	ƯT2	1	32.38	
15	KT Xét nghiệm y học	XNTH20	Lê Thị	Hường	12/01/1990	7.80	7.40	8.00	7.36	2NT	0.5	ƯT2	1	32.06	
16	KT Xét nghiệm y học	XNHD14	LÊ	VIỆT HÀO	16/02/1997	8.90	8.00	8.30	6.71	3	0.00	ƯT3	0	31.91	
17	KT Xét nghiệm y học	XNHD19	NGUYỄN	THỊ BÍCH NGỌC	15/08/1990	8.40	6.20	8.50	7.80	3	0.00	ƯT2	1	31.90	
18	KT Xét nghiệm y học	XNHD25	LÊ	THỊ KIM CÚC	03/09/1982	7.20	8.30	6.60	8.60	3	0.00	ƯT2	1	31.70	
19	KT Xét nghiệm y học	XNHD13	TRẦN	THỊ NGỌC ANH	02/09/1996	8.40	7.50	7.90	7.18	2NT	0.50	ƯT3	0	31.48	
20	KT Xét nghiệm y học	XNTH23	Ngũ Thị Thiên	Lý	20/08/1991	8.50	7.60	6.90	7.18	2	0.25	ƯT2	1	31.43	
21	KT Xét nghiệm y học	XNTH40	Nguyễn Thị	Thảo	20/07/1997	8.10	7.20	7.80	7.76	2NT	0.5	ƯT3	0.00	31.36	
22	KT Xét nghiệm y học	XNTH42	Đoàn Thị Hoài	Thu	15/07/1990	7.60	7.60	7.60	7.31	2	0.25	ƯT2	1	31.36	
23	KT Xét nghiệm y học	XNTH03	Nguyễn Đỗ Minh	Anh	08/12/1996	7.60	8.30	7.70	7.18	2NT	0.5	ƯT3	0.00	31.28	
24	KT Xét nghiệm y học	XNHD10	HOÀNG	KIM HƯƠNG LIÊN	24/10/1997	7.80	8.20	8.00	6.98	2	0.25	ƯT3	0	31.23	
25	KT Xét nghiệm y học	XNHD08	PHẠM	THU HUYỀN	28/10/1997	8.80	7.10	7.50	7.53	2	0.25	ƯT3	0	31.18	
26	KT Xét nghiệm y học	XNTH13	Trương Thị	Hằng	29/06/1988	6.80	8.40	7.20	7.46	2	0.25	ƯT2	1	31.11	
27	KT Xét nghiệm y học	XNTH27	Nguyễn Thị Thu	Nga	30/10/1990	7.10	7.70	7.60	7.43	2	0.25	ƯT2	1	31.08	

STT	Tên ngành học	MÃ HỒ SƠ	Họ	Tên	NGÀY SINH	Học Bạ (Lớp 12)			Điểm TBC hệ Cao đẳng (4)	Khu vực	Điểm ưu tiên khu vực (5)	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng (6)	Tổng điểm (1+2+3+4+5+6)	Ghi chú
						Toán (1)	Hóa (2)	Sinh (3)							
28	KT Xét nghiệm y học	XNTH53	Trịnh Thị	Vân	26/02/1997	7.40	7.70	7.20	7.96	1	0.75	ƯT3	0.00	31.01	
29	KT Xét nghiệm y học	XNTH37	Lê Văn	Sinh	05/06/1988	7.20	7.20	8.00	7.01	2NT	0.5	ƯT2	1	30.91	
30	KT Xét nghiệm y học	XNTH55	Nguyễn Thị	Xuân	02/06/1993	7.60	8.10	6.90	7.01	2	0.25	ƯT2	1	30.86	
31	KT Xét nghiệm y học	XNTH56	Nguyễn Hoàng	Yến	30/10/1988	7.90	6.70	6.90	8.09	2	0.25	ƯT2	1	30.84	
32	KT Xét nghiệm y học	XNHD36	NGUYỄN	TUẤN THUẬN	01/08/1999	8.10	7.40	8.10	6.70	2-NT	0.50	ƯT3	0	30.80	
33	KT Xét nghiệm y học	XNTH19	Đỗ Thị	Hường	21/03/1983	8.10	6.90	6.60	7.63	2NT	0.5	ƯT2	1	30.73	
34	KT Xét nghiệm y học	XNTH52	Lê Hồng	Trường	20/06/1998	7.70	7.50	7.50	7.25	1	0.75	ƯT3	0.00	30.70	
35	KT Xét nghiệm y học	XNTH11	Nguyễn Thị	Hải	01/06/1989	6.30	6.80	8.00	8.14	2	0.25	ƯT2	1	30.49	
36	KT Xét nghiệm y học	XNTH50	Lê Thị	Trang	30/11/1992	6.90	7.00	6.90	8.19	2NT	0.5	ƯT2	1	30.49	
37	KT Xét nghiệm y học	XNTH08	Trịnh Thị	Duyên	30/12/1989	7.00	5.90	8.50	7.48	2NT	0.5	ƯT2	1	30.38	
38	KT Xét nghiệm y học	XNTH25	Trần Thị Ngọc	Mai	10/10/1992	6.30	7.10	8.30	7.42	2	0.25	ƯT2	1	30.37	
39	KT Xét nghiệm y học	XNHD31	NGUYỄN	HÔNG VÂN	09/06/1990	7.70	8.20	7.10	7.36	3	0.00	ƯT3	0	30.36	
40	KT Xét nghiệm y học	XNTH35	Dương Đỗ	Quỳnh	24/09/1987	7.60	7.00	6.50	7.99	2	0.25	ƯT2	1	30.34	
41	KT Xét nghiệm y học	XNTH47	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	13/09/1988	6.00	7.50	7.40	8.19	2	0.25	ƯT2	1	30.34	
42	KT Xét nghiệm y học	XNTH61	Phạm Thị	Nhung	12/12/1991	7.50	7.40	6.80	7.31	2	0.25	ƯT2	1	30.26	
43	KT Xét nghiệm y học	XNHD23	LÊ	THỊ TRANG	15/01/1989	8.10	7.60	6.70	6.82	3	0.00	ƯT2	1	30.22	
44	KT Xét nghiệm y học	XNTH01	Lê Kim	Anh	20/12/1989	7.70	8.10	6.10	7.01	2	0.25	ƯT2	1	30.16	
45	KT Xét nghiệm y học	XNTH09	Lương Thị	Hà	03/12/1989	8.70	6.50	6.70	6.92	2	0.25	ƯT2	1	30.07	
46	KT Xét nghiệm y học	XNTH02	Lê Thị Phương	Anh	09/06/1996	7.60	8.00	7.00	7.12	2	0.25	ƯT3	0.00	29.97	
47	KT Xét nghiệm y học	XNTH60	Nguyễn Thị	Trang	22/07/1993	7.60	7.40	6.70	6.94	2	0.25	ƯT2	1	29.89	
48	KT Xét nghiệm y học	XNHD22	NGUYỄN	QUỲNH TRANG	28/08/1995	7.40	7.60	8.00	6.62	2	0.25	ƯT3	0	29.87	
49	KT Xét nghiệm y học	XNTH04	Lê Đình	Chung	23/08/1982	6.80	7.10	7.30	7.40	2	0.25	ƯT2	1	29.85	
50	KT Xét nghiệm y học	XNTH28	Trịnh Văn	Nghĩa	20/07/1995	8.00	6.60	6.50	7.48	2	0.25	ƯT2	1	29.83	
51	KT Xét nghiệm y học	XNTH46	Nguyễn Thị	Thúy	13/09/1988	6.80	6.90	6.90	7.92	2	0.25	ƯT2	1	29.77	
52	KT Xét nghiệm y học	XNTH38	Nguyễn Thị	Tâm	03/03/1988	6.60	5.80	8.10	7.93	2	0.25	ƯT2	1	29.68	
53	KT Xét nghiệm y học	XNTH07	Nguyễn Văn	Đông	28/05/1993	6.70	7.30	7.30	6.86	2NT	0.5	ƯT2	1	29.66	
54	KT Xét nghiệm y học	XNTH14	Nguyễn Thị	Hiền	05/11/1994	8.00	7.40	7.30	6.45	2NT	0.5	ƯT3	0.00	29.65	
55	KT Xét nghiệm y học	XNTH36	Đặng Ngọc	Sáng	06/07/1993	7.30	8.00	5.60	7.88	1	0.75	ƯT3	0.00	29.53	
56	KT Xét nghiệm y học	XNHD15	PHÙNG	THANH SƠN	13/06/1987	7.10	5.80	7.60	7.70	2	0.25	ƯT2	1	29.45	
57	KT Xét nghiệm y học	XNHD28	NGUYỄN	THỊ HUƠNG	10/10/1994	7.70	6.60	7.20	7.42	2NT	0.50	ƯT3	0	29.42	
58	KT Xét nghiệm y học	XNTH21	Lê Thị	Huyền	18/12/1991	6.50	7.50	7.20	6.93	2	0.25	ƯT2	1	29.38	

STT	Tên ngành học	MÃ HỒ SƠ	Họ	Tên	NGÀY SINH	Học Bạ (Lớp 12)			Điểm TBC hệ Cao đẳng (4)	Khu vực	Điểm ưu tiên khu vực (5)	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng (6)	Tổng điểm (1+2+3+4+5+6)	Ghi chú
						Toán (1)	Hóa (2)	Sinh (3)							
59	KT Xét nghiệm y học	XNHD21	TRẦN	THỊ HỒNG QUYÊN	29/01/1996	7.90	7.20	7.00	7.27	2	0.00	ƯT3	0	29.37	
60	KT Xét nghiệm y học	XNHD30	HOÀNG	THỊ QUỲNH MAI	05/02/1994	7.20	7.10	7.80	7.25	3	0.00	ƯT3	0	29.35	
61	KT Xét nghiệm y học	XNHD29	BÙI	PHƯƠNG NGÀ	14/08/1995	7.20	6.90	7.10	8.13	3	0.00	ƯT3	0	29.33	
62	KT Xét nghiệm y học	XNTH49	Nguyễn Thị Thanh	Tịnh	24/12/1989	5.30	6.80	8.10	7.82	2	0.25	ƯT2	1	29.27	
63	KT Xét nghiệm y học	XNTH44	Hoàng Thị	Thương	12/01/1989	7.20	7.40	5.30	7.71	2NT	0.5	ƯT2	1	29.11	
64	KT Xét nghiệm y học	XNTH41	Nguyễn Thị	Thoa	07/09/1988	6.30	6.50	7.60	7.39	2	0.25	ƯT2	1	29.04	
65	KT Xét nghiệm y học	XNTH57	Dương Thị	Nhung	11/10/1987	6.70	6.80	6.70	7.59	2	0.25	ƯT2	1	29.04	
66	KT Xét nghiệm y học	XNHD34	DƯƠNG	MINH ĐỨC	25/12/1996	7.50	7.80	7.10	6.37	2	0.25	ƯT3	0	29.02	
67	KT Xét nghiệm y học	XNTH30	Lê Phương	Oanh	28/12/1992	6.00	7.00	7.20	6.94	1	0.75	ƯT2	1	28.89	
68	KT Xét nghiệm y học	XNTH31	Trương Văn	Phú	06/02/1992	8.30	6.40	6.20	6.66	2	0.25	ƯT2	1	28.81	
69	KT Xét nghiệm y học	XNTH39	Đỗ Xuân	Tân	08/04/1992	7.60	6.10	7.10	6.47	2NT	0.5	ƯT2	1	28.77	
70	KT Xét nghiệm y học	XNHD27	NGUYỄN	THỊ MINH PHƯƠNG	19/09/1994	6.20	7.30	7.50	6.68	2	0.00	ƯT2	1	28.68	
71	KT Xét nghiệm y học	XNHD26	NGUYỄN	THU HUYỀN	20/12/1996	6.60	7.10	7.40	7.31	2	0.25	ƯT3	0	28.66	
72	KT Xét nghiệm y học	XNHD20	NGUYỄN	THỊ QUỲ	13/07/1989	5.90	7.10	7.60	7.97	2	0.00	ƯT3	0	28.57	
73	KT Xét nghiệm y học	XNTH16	Trần Hữu	Hoàng	08/08/1988	6.70	7.10	6.50	7.59	2NT	0.5	ƯT3	0.00	28.39	
74	KT Xét nghiệm y học	XNTH32	Lê Nhữ	Phúc	04/09/1991	7.50	7.80	5.50	7.30	2	0.25	ƯT3	0.00	28.35	
75	KT Xét nghiệm y học	XNTH12	Hồ Thị	Hằng	03/10/1989	8.00	6.00	6.70	7.09	2NT	0.5	ƯT3	0.00	28.29	
76	KT Xét nghiệm y học	XNTH54	Dương Quang	Vinh	02/11/1990	7.40	5.80	6.10	7.63	2	0.25	ƯT2	1	28.18	
77	KT Xét nghiệm y học	XNTH45	Phạm Thị	Thương	15/07/1988	5.30	6.10	7.60	7.54	2NT	0.5	ƯT2	1	28.04	
78	KT Xét nghiệm y học	XNTH22	Trương Thị	Luyến	21/10/1994	7.10	6.90	7.00	6.45	2NT	0.5	ƯT3	0.00	27.95	
79	KT Xét nghiệm y học	XNTH48	Lê Ngọc	Tiến	13/09/1993	7.50	6.70	5.40	7.83	2NT	0.5	ƯT3	0.00	27.93	
80	KT Xét nghiệm y học	XNHD38	VŨ	MẠNH THUẬN	31/07/1999	7.00	6.00	7.00	7.30	2-NT	0.50	ƯT3	0	27.80	
81	KT Xét nghiệm y học	XNTH43	Lê Thị	Thuận	10/04/1988	6.90	5.90	6.30	6.94	2NT	0.5	ƯT2	1	27.54	
82	KT Xét nghiệm y học	XNHD09	NGUYỄN	THỊ NGỌC Ánh	15/08/1997	5.70	7.30	7.10	7.11	2	0.25	ƯT3	0	27.46	
83	KT Xét nghiệm y học	XNHD16	ĐỖ	VĂN TOÀN	01/07/1994	6.60	6.90	6.30	6.40	2	0.25	ƯT2	1	27.45	
84	KT Xét nghiệm y học	XNHD32	VŨ	THỊ HUỆ	17/10/1991	5.30	7.50	7.20	7.40	3	0.00	ƯT3	0	27.40	
85	KT Xét nghiệm y học	XNTH58	Lê Văn	Tân	18/09/1994	6.10	7.40	5.30	6.04	2NT	0.5	ƯT2	1	26.34	
86	KT Xét nghiệm y học	XNTH33	Nguyễn Thanh	Phương	08/04/1994	6.20	6.70	5.30	7.36	1	0.75	ƯT3	0.00	26.31	
87	KT Xét nghiệm y học	XNHD05	ĐINH	CÔNG ĐẠT	30/11/1994	6.20	7.40	5.60	7.10	3	0.00	ƯT3	0	26.30	
88	KT Xét nghiệm y học	XNHD01	NGUYỄN	TUẤN ANH	24/10/1995	6.50	6.60	6.40	6.30	2NT	0.50	ƯT3	0	26.30	
89	KT Xét nghiệm y học	XNHD40	NGUYỄN	THỊ NGÀ	21/3/1996	6.50	5.50	7.00	6.87	2	0.25	ƯT3	0	26.12	

STT	Tên ngành học	MÃ HỒ SƠ	Họ	Tên	NGÀY SINH	Học Bạ (Lớp 12)			Điểm TBC hệ Cao đẳng (4)	Khu vực	Điểm ưu tiên khu vực (5)	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng (6)	Tổng điểm (1+2+3+4+5+6)	Ghi chú
						Toán (1)	Hóa (2)	Sinh (3)							
90	KT Xét nghiệm y học	XNHD41	TRINH	TUẤN CƯỜNG	06/04/1974	6.20	6.00	5.80	8.08	3	0.00	ƯT3	0	26.08	
91	KT Xét nghiệm y học	XNHD11	LÊ	PHƯƠNG THẢO	01/11/1995	6.30	5.90	5.70	8.00	3	0.00	ƯT3	0	25.90	
92	KT Xét nghiệm y học	XNTH24	Mai Thị	Mai	08/08/1988	5.60	6.20	5.80	6.72	2NT	0.5	ƯT2	1	25.82	
93	KT Xét nghiệm y học	XNHD02	NGUYỄN	THỊ PHƯƠNG THẢO	15/04/1995	5.40	5.80	7.40	6.40	1	0.75	ƯT3	0	25.75	
94	KT Xét nghiệm y học	XNTH05	Dương Đức	Cường	17/11/1992	5.60	5.70	6.40	6.65	2	0.25	ƯT2	1	25.60	
95	KT Xét nghiệm y học	XNTH06	Lê Đình	Đại	20/06/1990	6.50	5.10	5.20	7.54	2	0.25	ƯT2	1	25.59	
96	KT Xét nghiệm y học	XNHD35	NGUYỄN	KHƯƠNG DUY	27/10/1996	6.50	6.10	6.50	6.34	3	0.00	ƯT3	0	25.44	
97	KT Xét nghiệm y học	XNHD18	NGUYỄN	NGỌC TRƯỜNG	14/09/1992	5.00	4.80	6.60	8.00	3	0.00	ƯT2	1	25.40	
98	KT Xét nghiệm y học	XNHD33	TRIỆU	THỊ GIANG	29/04/1991	5.7	4.4	6.4	8.13	1	0.75	ƯT3	0	25.38	
99	KT Xét nghiệm y học	XNTH51	Mai Văn	Tri	28/07/1994	6.30	5.20	6.20	7.16	2NT	0.5	ƯT3	0.00	25.36	
100	KT Xét nghiệm y học	XNTH59	Hoàng Thị	Dung	04/02/1991	5.70	4.70	5.40	7.72	2	0.25	ƯT2	1	24.77	
101	KT Xét nghiệm y học	XNTH26	Lê Hồng	Minh	14/10/1991	5.30	5.10	5.60	7.32	2	0.25	ƯT2	1	24.57	
102	KT Xét nghiệm y học	XNHD39	VIÊN	TUẤN VŨ	07/12/1999	5.20	4.90	5.50	7.80	1	0.75	ƯT3	0	24.15	
103	KT Xét nghiệm y học	XNTH15	Đình Văn	Hiền	25/08/1993	3.70	5.60	4.90	6.39	2	0.25	ƯT2	1	21.84	

Tổng số: 103
 Người lập biểu

HIỆU TRƯỞNG
 CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
 PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TUYỂN SINH HỆ LIÊN THÔNG VỪA LÀM VỪA HỌC NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG NĂM 2020
(Kèm theo QĐ số 1773/QĐ-YDHP, ngày 11 tháng 12 năm 2020 V/v công nhận thí sinh trúng tuyển hệ liên thông vừa làm vừa học ngành Điều dưỡng và Kỹ thuật xét nghiệm y học năm 2020)

STT	Tên ngành học	MÃ HỒ SƠ	Họ	Tên	NGÀY SINH	Học Bạ (Lớp 12)			Điểm TBC hệ Cao đẳng (4)	Khu vực	Điểm ưu tiên khu vực (5)	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng (6)	Tổng điểm (1+2+3+4+5+6)	Ghi chú
						Toán (1)	Hóa (2)	Sinh (3)							
1	Điều dưỡng	DDB16	Lương Thị Giang	Lê	05/5/1987	8.10	9.10	8.80	7.45	KV3	0.00	ƯT2	1	34.45	
2	Điều dưỡng	DDB17	Bùi Thị Xuân	Huệ	30/3/1990	8.20	8.30	8.00	8.40	KV2 NT	0.50	ƯT2	1	34.40	
3	Điều dưỡng	DD19837	Vũ Thị Thanh	Xuân	14/03/1984	8.60	8.70	8.20	7.80	3	0.00	ƯT2	1	34.30	
4	Điều dưỡng	DDB60	Đoàn Thị Ngọc	Huyền	08/12/1992	8.70	8.40	9.00	7.00	KV3	0.00	ƯT2	1	34.10	
5	Điều dưỡng	DDHD18	Nguyễn Thị	Hiền	24/03/1984	9.10	8.20	7.30	8.40	3	0	2	1	34.00	
6	Điều dưỡng	DDHY17	Đàm Thị	Hòa	19/08/1985	8.4	8.5	7.9	7.7	2-NT	0.50	ƯT2	1.00	34.00	
7	Điều dưỡng	DDBCA35	Dương Thu	Lan	21/07/1993	8.80	9.10	7.10	7.99	KV 3	0.00	ƯT 2	1.00	33.99	
8	Điều dưỡng	DDBCA64	Lê Thị	Toan	09/5/1990	8.00	8.30	8.80	6.86	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	33.96	
9	Điều dưỡng	DDHD25	Lại Thị Thu	Hà	01/03/1986	8.00	8.00	8.20	8.30	2	0.25	2	1	33.75	
10	Điều dưỡng	DDHD55	BÙI THỊ HẢI	YÊN	23/05/1996	8.90	7.70	8.60	7.43	3	0	2	1	33.63	
11	Điều dưỡng	DDBCA38	Phùng Thị Ngọc	Mai	28.09.1994	8.10	6.80	8.20	8.50	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	33.60	
12	Điều dưỡng	DDHD17	Phạm Thị Vân	Anh	10/02/1991	8.80	8.00	7.70	7.77	2	0.25	2	1	33.52	
13	Điều dưỡng	DDB53	Đoàn Thị	Hương	25/12/1988	7.80	8.40	9.00	7.24	KV3	0.00	ƯT2	1	33.44	
14	Điều dưỡng	DDHD36	Lê Thị	Liêm	08/06/1994	8.40	8.70	8.10	8.21	3	0	3	0.00	33.41	
15	Điều dưỡng	DDHD34	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	08/07/1984	8.10	7.80	8.10	8.39	3	0	2	1	33.39	
16	Điều dưỡng	DDHY01	Nguyễn Thị Hải	Hà	27/09/1988	8.0	7.5	8.4	7.99	2-NT	0.50	ƯT2	1.00	33.39	
17	Điều dưỡng	DDBCA16	Hoàng Ngân	Hà	26/11/1990	8.10	6.90	8.40	7.90	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	33.30	
18	Điều dưỡng	DDBCA41	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	16/11/1992	7.50	6.70	9.20	7.90	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	33.30	
19	Điều dưỡng	DDHD07	Trần Thị Bích	Ngọc	28/04/1995	8.20	7.80	8.20	8.03	3	0	2	1	33.23	
20	Điều dưỡng	DDBCA18	Bùi Thị Hồng	Hà	20/11/1990	8.10	7.90	7.70	7.47	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	33.17	
21	Điều dưỡng	DDBCA43	Nguyễn Hạnh	Nhung	15.12.1985	8.20	7.70	7.60	7.60	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	33.10	
22	Điều dưỡng	DDBCA32	Vũ Thị Thanh	Huyền	07/6/1991	8.40	8.40	6.10	8.20	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	33.10	
23	Điều dưỡng	DDB14	Bùi Đình	Hiếu	08/8/1997	7.90	8.20	8.40	8.00	KV2 NT	0.50	ƯT3	0	33.00	
24	Điều dưỡng	DDHD90	NGUYỄN THỊ KIM	DUNG	27/08/1982	8.00	7.50	7.80	8.15	2 NT	0.5	2	1	32.95	

STT	Tên ngành học	MÃ HỒ SƠ	Họ	Tên	NGÀY SINH	Học Bạ (Lớp 12)			Điểm TBC hệ Cao đẳng (4)	Khu vực	Điểm ưu tiên khu vực (5)	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng (6)	Tổng điểm (1+2+3+4+5+6)	Ghi chú
						Toán (1)	Hóa (2)	Sinh (3)							
25	Điều dưỡng	DDHY04	Nguyễn Thị Kim	Dung	27/08/1982	8.0	7.5	7.8	8.15	2-NT	0.50	ƯT2	1.00	32.95	
26	Điều dưỡng	DDHD122	ĐỖ KHÁNH	PHƯƠNG	30/08/1997	8.80	8.60	8.40	7.15	3	0	3	0	32.95	
27	Điều dưỡng	DDHD73	PHAN THỊ	CHUYÊN	04/02/1996	8.10	8.90	7.50	7.40	3	0	2	1	32.90	
28	Điều dưỡng	DD19818	Nguyễn Thị	Huyền	07/02/1984	9.00	8.30	8.30	7.20	3	0.00	ƯT3	0	32.80	
29	Điều dưỡng	DDBCA29	Nguyễn Quỳnh	Hương	20.03.1988	8.40	6.10	7.70	8.60	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	32.80	
30	Điều dưỡng	DDBCA62	Nguyễn Thị Thu	Thùy	24/10/1992	8.00	8.20	8.20	7.35	KV 3	0.00	ƯT 2	1.00	32.75	
31	Điều dưỡng	DDTH77	Nguyễn Thị	Tâm	14/01/1995	7.20	7.40	8.10	7.69	2	0.25	1	2.00	32.64	
32	Điều dưỡng	DDB38	Đoàn Thị Khánh	Linh	08/8/1996	7.70	8.60	8.60	7.47	KV2	0.25	ƯT3	0	32.62	
33	Điều dưỡng	DDBCA07	Ngô Khánh	Chi	19/11/1987	6.60	7.80	8.00	8.20	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	32.60	
34	Điều dưỡng	DDBCA67	Nguyễn Thị Thu	Trang	25.10.1991	6.70	7.20	8.40	8.29	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	32.59	
35	Điều dưỡng	DDHD71	NGUYỄN THỊ	NGA	25/02/988	8.00	7.10	8.20	8.00	2	0.25	2	1	32.55	
36	Điều dưỡng	DDTH35	Trịnh Thị Trang	Minh	11/02/1999	8.10	8.40	8.70	7.08	2	0.25	3	0.00	32.53	
37	Điều dưỡng	DDHD05	Phạm Thùy	Dương	10/10/1994	8.80	7.30	7.50	7.92	3	0	2	1	32.52	
38	Điều dưỡng	DDTH80	Vũ Thị	Hằng	08/03/1985	8.00	7.60	8.50	7.16	2	0.25	2	1.00	32.51	
39	Điều dưỡng	DDTH15	Nguyễn Anh	Tú	20/05/1999	7.50	8.20	8.80	7.26	1	0.75	3	0.00	32.51	
40	Điều dưỡng	DDB33	Nguyễn Thị	Mơ	15/6/1990	6.80	6.70	9.60	7.90	KV2 NT	0.50	ƯT2	1	32.50	
41	Điều dưỡng	DDBCA42	Kiều Thị	Ngọc	08.12.1991	7.80	7.10	7.40	8.20	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	32.50	
42	Điều dưỡng	DDHD49	ĐẶNG THỊ	DUYÊN	22/11/1984	8.00	6.90	8.80	7.80	3	0	2	1	32.50	
43	Điều dưỡng	DDTH60	Lê Thị Việt	Nga	24/05/1993	8.10	7.20	8.40	7.55	2	0.25	2	1.00	32.50	
44	Điều dưỡng	DDHD111	CHU THỊ PHƯƠNG	THẢO	16/09/1998	7.50	8.80	8.20	7.20	1	0.75	3	0.00	32.45	
45	Điều dưỡng	DDB43	Vũ Thị	Oanh	22/01/1987	7.80	8.40	8.70	6.27	KV2	0.25	ƯT2	1	32.42	
46	Điều dưỡng	DDHD58	ĐỖ THỊ	THÚY	23/01/1990	8.40	7.30	8.30	8.13	2	0.25	3	0.00	32.38	
47	Điều dưỡng	DDB52	Đỗ Thị	Hường	26/01/1993	8.20	8.30	7.60	7.50	KV1	0.75	ƯT3	0	32.35	
48	Điều dưỡng	DDHD103	HÀ THỊ THU	HOAN	24/12/1988	6.90	7.50	8.20	8.50	2	0.25	2	1	32.35	
49	Điều dưỡng	DDB51	Đinh Thị	Hân	04/12/1987	7.40	7.60	8.60	7.22	KV2 NT	0.50	ƯT2	1	32.32	
50	Điều dưỡng	DDTH62	Nguyễn Thị	Hiền	04/04/1982	7.00	8.10	8.30	7.67	2	0.25	2	1.00	32.32	
51	Điều dưỡng	DDTH02	Trịnh Thanh	Hà	08/07/1998	8.30	8.40	7.80	7.49	2	0.25	3	0.00	32.24	
52	Điều dưỡng	DDHD112	NGUYỄN THỊ	MAI MAI	29/08/1984	8.60	8.30	7.00	8.33	3	0	3	0.00	32.23	
53	Điều dưỡng	DDBCA54	Cao Văn	Tâm	27/8/1987	6.80	8.00	7.20	8.20	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	32.20	
54	Điều dưỡng	DDHD52	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	22/01/1994	8.40	8.20	8.00	7.60	3	0	3	0.00	32.20	

STT	Tên ngành học	MÃ HỒ SƠ	Họ	Tên	NGÀY SINH	Học Bạ (Lớp 12)			Điểm TBC hệ Cao đẳng (4)	Khu vực	Điểm ưu tiên khu vực (5)	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng (6)	Tổng điểm (1+2+3+4+5+6)	Ghi chú
						Toán (1)	Hóa (2)	Sinh (3)							
55	Điều dưỡng	DDHD68	NGUYỄN THỊ	NGÂN	20/10/1992	8.60	6.50	8.50	8.30	2	0.25	3	0.00	32.15	
56	Điều dưỡng	DDB46	Đỗ Thị Quỳnh	Nga	23/8/1990	8.20	8.30	7.80	7.79	KV3	0.00	ƯT3	0	32.09	
57	Điều dưỡng	DDB63	Dương Thị Hiền	Lương	15/5/1982	8.00	7.20	8.00	7.80	KV3	0.00	ƯT2	1	32.00	
58	Điều dưỡng	DDHD77	BÙI THỊ MINH	PHƯƠNG	08/09/1990	6.70	8.00	8.60	7.43	2	0.25	2	1	31.98	
59	Điều dưỡng	DDBCA68	Phạm Thu	Trang	19.10.1993	7.40	7.20	7.00	8.30	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	31.90	
60	Điều dưỡng	DDB05	Phạm Thị Thanh	Mai	20/8/1994	9.20	8.00	7.50	7.20	KV3	0.00	ƯT3	0	31.90	
61	Điều dưỡng	DDTH41	Lê Thị Lan	Anh	15/08/1991	7.80	7.90	7.10	7.83	2	0.25	2	1.00	31.88	
62	Điều dưỡng	DDBCA04	Nguyễn Thị Nguyệt	Ánh	18/11/1985	5.50	9.00	8.00	7.30	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	31.80	
63	Điều dưỡng	DDBCA19	Đào Thu	Hà	07.04.1993	7.10	7.40	7.40	7.90	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	31.80	
64	Điều dưỡng	DDHD56	BÙI HUY	MONG	08/05/1989	7.20	8.50	7.50	7.57	3	0	2	1	31.77	
65	Điều dưỡng	DDB39	Nguyễn Thị Hoàng	Trang	19/01/1987	6.60	8.50	7.70	7.92	KV3	0.00	ƯT2	1	31.72	
66	Điều dưỡng	DDHY51	Dương Thị Hồng	Vân	28/08/1993	8.3	7.6	6.7	7.61	2-NT	0.50	ƯT2	1.00	31.71	
67	Điều dưỡng	DDHD46	TRUNG THỊ BÍCH	VÂN	01/10/1991	7.20	8.00	7.70	7.55	2	0.25	2	1	31.70	
68	Điều dưỡng	DDBCA50	Ngô Thị	Phượng	22/07/1982	7.50	6.50	8.60	8.02	KV 3	0.00	ƯT 2	1.00	31.62	
69	Điều dưỡng	DDHD02	Nguyễn Thị	Hằng	21/11/1994	7.20	7.20	7.80	8.90	2NT	0.5	3	0.00	31.60	
70	Điều dưỡng	DDHD15	Hoàng Thị Thu	Thủy	03/01/1995	7.30	7.20	7.80	8.30	3	0	2	1	31.60	
71	Điều dưỡng	DDHY19	Hoàng Văn	Thắng	08/12/1986	8.1	7.4	6.6	8	2-NT	0.50	ƯT2	1.00	31.60	
72	Điều dưỡng	DDHD50	NGUYỄN THỊ	MAI	01/09/1992	6.70	7.80	7.40	8.70	3	0	2	1	31.60	
73	Điều dưỡng	DDB07	Ngô Thuý	Trinh	08/01/1998	7.50	8.30	8.10	7.44	KV2	0.25	ƯT3	0	31.59	
74	Điều dưỡng	DDHD72	NGUYỄN THỊ	NGUYỆT	06/09/1988	8.60	6.80	7.30	7.60	2	0.25	2	1	31.55	
75	Điều dưỡng	DDHD96	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MAI	04/08/1989	7.00	6.80	8.10	8.40	2	0.25	2	1	31.55	
76	Điều dưỡng	DDHD97	NGUYỄN THỊ BÍCH	HẰNG	11/03/1989	6.80	7.00	8.10	8.40	2	0.25	2	1	31.55	
77	Điều dưỡng	DDTH49	Lê Thị	Trinh	12/06/1996	8.70	7.70	8.60	6.27	2	0.25	3	0.00	31.52	
78	Điều dưỡng	DDBCA48	Phạm Thị	Phượng	04/8/1991	7.30	6.90	7.40	7.90	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	31.50	
79	Điều dưỡng	DDB15	Đặng Thị	Vui	17/10/1987	7.80	7.00	8.70	6.97	KV3	0.00	ƯT2	1	31.47	
80	Điều dưỡng	DD19830	Phùng Thị	Thơm	22/12/1981	8.60	6.70	7.30	7.81	3	0.00	ƯT2	1	31.41	
81	Điều dưỡng	DDBCA37	Nguyễn Thị	Loan	25/9/1989	6.10	6.90	8.60	7.80	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	31.40	
82	Điều dưỡng	DDHD60	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	05/10/1993	7.00	7.10	9.00	8.29	3	0	3	0.00	31.39	
83	Điều dưỡng	DDHY54	Trần Thị Vân	Anh	28/11/1986	7.3	7.6	6.9	8.09	2-NT	0.50	ƯT2	1.00	31.39	
84	Điều dưỡng	DDHD01	Phan Thị Hà	Phương	26/03/1994	7.80	8.10	7.50	7.98	3	0	3	0.00	31.38	

STT	Tên ngành học	MÃ HỒ SƠ	Họ	Tên	NGÀY SINH	Học Bạ (Lớp 12)			Điểm TBC hệ Cao đẳng (4)	Khu vực	Điểm ưu tiên khu vực (5)	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng (6)	Tổng điểm (1+2+3+4+5+6)	Ghi chú
						Toán (1)	Hóa (2)	Sinh (3)							
85	Điều dưỡng	DDBCA39	Bùi Thị Thu	Nga	11/02/1990	8.20	5.80	7.50	7.86	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	31.36	
86	Điều dưỡng	DDHD27	Nguyễn Thị	Liên	18/12/1995	8.00	7.60	8.00	7.49	2	0.25	3	0.00	31.34	
87	Điều dưỡng	DDB59	Trần Thị	Thương	22/9/1990	7.90	7.20	8.30	7.91	KV3	0.00	ƯT3	0	31.31	
88	Điều dưỡng	DDBCA45	Vũ Thanh	Ninh	08.12.1991	6.60	7.90	6.90	7.90	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	31.30	
89	Điều dưỡng	DDB20	Trần Thị	Hân	13/7/1995	8.00	7.80	7.70	7.50	KV2	0.25	ƯT3	0	31.25	
90	Điều dưỡng	DDB49	Nguyễn Thị	Lan	11/6/1993	8.20	7.80	7.10	7.10	KV3	0.00	ƯT2	1	31.20	
91	Điều dưỡng	DDBCA10	Phan Mạnh	Cường	01/12/1992	8.00	7.20	6.20	7.80	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	31.20	
92	Điều dưỡng	DDTH45	Lê Thị	Xuân	15/05/1984	8.30	7.50	6.40	7.71	2	0.25	2	1.00	31.16	
93	Điều dưỡng	DDHD26	Chu Thị Hoài	Linh	20/10/1994	8.20	6.20	7.30	8.20	2	0.25	2	1	31.15	
94	Điều dưỡng	DDHD11	Nguyễn Bảo	An	10/03/1994	7.40	8.10	8.30	7.32	3	0	3	0.00	31.12	
95	Điều dưỡng	DDTH31	Nguyễn Thị	Nhị	28/11/1990	7.30	7.50	7.10	7.46	1	0.75	2	1.00	31.11	
96	Điều dưỡng	DDHY13	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	16/12/1987	8.0	7.1	6.5	8.21	2	0.25	ƯT2	1.00	31.06	
97	Điều dưỡng	DDBCA55	Trần Thị Thanh	Tâm	02/6/1990	6.90	6.20	8.00	7.90	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	31.00	
98	Điều dưỡng	DDHY18	Nguyễn Thị	Linh	14/08/1986	7.3	6.7	7.4	8.03	2-NT	0.50	ƯT2	1.00	30.93	
99	Điều dưỡng	DDHD91	ĐỖ CHUNG	HIẾU	22/08/1986	5.90	8.00	7.50	8.02	2 NT	0.5	2	1	30.92	
100	Điều dưỡng	DDHY05	Đỗ Chung	Hiếu	22/08/1986	5.9	8.0	7.5	8.02	2-NT	0.50	ƯT2	1.00	30.92	
101	Điều dưỡng	DDBCA57	Đặng Phương	Thảo	03.12.1989	7.60	5.90	8.10	8.30	KV 3	0.00	ƯT 2	1.00	30.90	
102	Điều dưỡng	DDHD22	Phạm Thị	Hào	17/11/1983	7.40	6.60	7.60	7.98	2	0.25	2	1	30.83	
103	Điều dưỡng	DDTH04	Phạm Thành	Long	07/09/1988	7.70	7.10	6.70	6.56	1	0.75	1	2.00	30.81	
104	Điều dưỡng	DDB34	Trần Thị	Hương	20/01/1995	7.60	7.20	6.80	7.70	KV2 NT	0.50	ƯT2	1	30.80	
105	Điều dưỡng	DDHD42	Trần Thị	Nhung	10/11/1987	8.70	6.20	6.70	8.20	3	0	2	1	30.80	
106	Điều dưỡng	DDHD106	NGUYỄN THỊ	HUỆ	18/10/1991	7.60	7.10	7.50	7.54	3	0	2	1	30.74	
107	Điều dưỡng	DDHD94	BÙI THỊ THANH	LOAN	27/03/1995	8.30	6.90	7.00	8.26	2	0.25	3	0.00	30.71	
108	Điều dưỡng	DDBCA25	Nguyễn Ngọc	Hoa	28/01/1992	6.60	7.20	7.30	7.60	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	30.70	
109	Điều dưỡng	DDTH65	Mai Thị	Dung	16/10/1991	7.20	7.90	7.60	6.75	2	0.25	2	1.00	30.70	
110	Điều dưỡng	DDBCA14	Phạm Thu	Hà	26/11/1993	6.60	7.50	7.10	7.50	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	30.70	
111	Điều dưỡng	DDHD114	NGUYỄN TẠ THỦY	TIỀN	19/04/1988	7.20	6.70	7.50	8.30	3	0	2	1	30.70	
112	Điều dưỡng	DDTH69	Trịnh Thị	Tâm	27/08/1982	7.70	8.50	6.80	6.45	2	0.25	2	1.00	30.70	
113	Điều dưỡng	DDHD03	Nguyễn Thị	Thủy	22/12/1983	7.90	6.80	7.30	7.68	3	0	2	1	30.68	
114	Điều dưỡng	DDHD100	ĐỖ THỊ	HẢI	12/12/1987	6.70	6.80	8.00	7.90	2	0.25	2	1	30.65	

STT	Tên ngành học	MÃ HỒ SƠ	Họ	Tên	NGÀY SINH	Học Bạ (Lớp 12)			Điểm TBC hệ Cao đẳng (4)	Khu vực	Điểm ưu tiên khu vực (5)	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng (6)	Tổng điểm (1+2+3+4+5+6)	Ghi chú
						Toán (1)	Hóa (2)	Sinh (3)							
115	Điều dưỡng	DDHD37	Vương Thị	Nở	25/05/1982	6.00	7.90	6.80	8.70	2	0.25	2	1	30.65	
116	Điều dưỡng	DDB25	Nguyễn Minh	Ngọc	20/6/1993	7.40	8.10	7.70	7.40	KV3	0.00	ƯT3	0	30.60	
117	Điều dưỡng	DDHD83	TRẦN THỊ	NHINH	06/01/1993	7.50	5.80	7.70	8.60	3	0	2	1	30.60	
118	Điều dưỡng	DDHD85	LƯƠNG THỊ	BUN	15/10/1990	7.70	7.30	7.10	7.50	3	0	2	1	30.60	
119	Điều dưỡng	DDBCA30	Đỗ Thị	Hương	23.02.1992	7.30	6.90	7.10	8.30	KV 3	0.00	ƯT 2	1.00	30.60	
120	Điều dưỡng	DDHD35	Mai Thị Kim	Anh	09/03/1994	7.40	7.80	8.00	7.37	3	0	3	0.00	30.57	
121	Điều dưỡng	DDHY06	Vũ Thị	Phượng	22/01/1998	7.5	7.0	7.5	8.06	2-NT	0.50	ƯT3	0.00	30.56	
122	Điều dưỡng	DDHD123	LÊ VĂN	THẠCH	02/08/1987	7.70	7.30	7.50	8.05	3	0	3	0	30.55	
123	Điều dưỡng	DDHD78	TRẦN THỊ	HÀNG	03/01/1986	6.40	7.50	7.30	8.10	2	0.25	2	1	30.55	
124	Điều dưỡng	DDTH10	Lê Thị	Lan	27/03/1993	7.70	7.90	6.40	7.28	2	0.25	2	1.00	30.53	
125	Điều dưỡng	DDTH32	Lê Thị Minh	Anh	09/12/1991	7.30	7.10	7.50	7.37	2	0.25	2	1.00	30.52	
126	Điều dưỡng	DDB41	Ngô Lan	Phượng	23/10/1981	7.20	6.90	6.90	8.26	KV2	0.25	ƯT2	1	30.51	
127	Điều dưỡng	DDBCA27	Nguyễn Tất	Hùng	04/01/1985	7.30	5.60	8.20	7.40	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	30.50	
128	Điều dưỡng	DDBCA77	Nguyễn Thị	Yến	22.09.1989	6.60	7.40	6.60	7.90	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	30.50	
129	Điều dưỡng	DDBCA17	Vũ Thị Thu	Hà	22/11/1992	6.90	6.90	6.70	7.99	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	30.49	
130	Điều dưỡng	DDHD21	Đặng Thị	Lụa	06/10/1988	7.00	7.80	8.30	6.39	3	0	2	1	30.49	
131	Điều dưỡng	DDHD80	NGUYỄN THỊ	NGOAN	05/10/1985	7.10	6.50	7.70	8.11	3	0	2	1	30.41	
132	Điều dưỡng	DDB13	Lê Phương	Dung	15/9/1999	7.20	7.50	7.20	8.00	KV2 NT	0.50	ƯT3	0	30.40	
133	Điều dưỡng	DDB24	Lê Quang	Diện	27/9/1991	7.20	7.00	7.50	7.68	KV3	0.00	ƯT2	1	30.38	
134	Điều dưỡng	DDHD102	PHẠM NGỌC	ANH	15/02/1996	8.30	6.60	9.00	6.47	3	0	3	0.00	30.37	
135	Điều dưỡng	DDTH75	Lê Thị	Thủy	02/10/1985	7.40	6.90	7.40	7.39	2	0.25	2	1.00	30.34	
136	Điều dưỡng	DDHD64	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	01/06/1995	8.00	7.20	8.10	7.04	3	0	3	0.00	30.34	
137	Điều dưỡng	DD19806	Đỗ Ngọc	Cường	28/01/1984	7.50	7.00	7.10	7.70	3	0.00	ƯT2	1	30.30	
138	Điều dưỡng	DDB55	Phạm Thị	An	15/12/1989	6.80	7.10	6.60	8.30	KV2 NT	0.50	ƯT2	1	30.30	
139	Điều dưỡng	DDBCA75	Nguyễn Thanh	Xuân	13.12.1988	7.10	6.70	6.50	8.00	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	30.30	
140	Điều dưỡng	DDTH28	Trần Văn	Cường	12/06/1990	7.40	7.30	6.30	7.50	1	0.75	2	1.00	30.25	
141	Điều dưỡng	DDHD69	PHAN THỊ	TRANG	06/07/1992	7.00	7.70	7.80	7.71	3	0	3	0.00	30.21	
142	Điều dưỡng	DDBCA74	Vũ Thị	Vinh	25/9/1991	7.50	6.40	6.40	7.90	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	30.20	
143	Điều dưỡng	DDBCA23	Nguyễn Thị	Hầu	02/9/1990	6.70	6.30	7.00	8.20	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	30.20	
144	Điều dưỡng	DDHD63	LÊ THỊ	HUYỀN	15/06/1987	6.70	7.40	7.90	8.19	3	0	3	0.00	30.19	

STT	Tên ngành học	MÃ HỒ SƠ	Họ	Tên	NGÀY SINH	Học Bạ (Lớp 12)			Điểm TBC hệ Cao đẳng (4)	Khu vực	Điểm ưu tiên khu vực (5)	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng (6)	Tổng điểm (1+2+3+4+5+6)	Ghi chú
						Toán (1)	Hóa (2)	Sinh (3)							
145	Điều dưỡng	DDTH56	Lê Thị	Chinh	03/06/1996	7.50	6.70	8.00	7.72	2	0.25	3	0.00	30.17	
146	Điều dưỡng	DDHY61	Phạm Thị Phương	Thảo	04/08/1986	7.4	7.3	6.6	7.6	2	0.25	ƯT2	1.00	30.15	
147	Điều dưỡng	DD19804	Cao Xuân	Cảnh	03/01/1977	8.20	6.80	6.70	7.42	3	0.00	ƯT2	1	30.12	
148	Điều dưỡng	DDB06	Mai Hồng	Nhung	11/3/1994	6.00	7.50	8.00	7.60	KV3	0.00	ƯT2	1	30.10	
149	Điều dưỡng	DDHY47	Trịnh Thị	Ngân	19/04/1995	7.3	7.4	6.9	8	2-NT	0.50	ƯT3	0.00	30.10	
150	Điều dưỡng	DDHD09	Lê Hương	Giang	15/12/1991	7.80	6.90	6.60	7.78	3	0	2	1	30.08	
151	Điều dưỡng	DDTH37	Nguyễn Thị	Cúc	02/09/1991	6.90	8.20	6.10	7.63	2	0.25	2	1.00	30.08	
152	Điều dưỡng	DDBCA49	Đặng Thị Thu	Phương	13.06.1991	7.60	7.20	5.80	7.43	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	30.03	
153	Điều dưỡng	DDB08	Bùi Thị	Hằng	16/4/1991	7.30	6.60	7.70	7.40	KV3	0.00	ƯT2	1	30.00	
154	Điều dưỡng	DDB50	Bùi Tuyết	Nhung	18/6/1992	7.40	6.70	8.00	6.90	KV3	0.00	ƯT2	1	30.00	
155	Điều dưỡng	DDBCA60	Hoàng Thị	Thơm	13/05/1991	7.10	5.90	6.70	8.30	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	30.00	
156	Điều dưỡng	DDHY57	Trần Thị	Yến	06/03/1989	7.1	5.9	7.4	8.09	2-NT	0.50	ƯT2	1.00	29.99	
157	Điều dưỡng	DDHY60	Phạm Thị	Thùy	30/06/1993	7.0	7.0	7.3	7.4	2	0.25	ƯT2	1.00	29.95	
158	Điều dưỡng	DDHD93	PHẠM THỊ	HÀ	08/04/1983	7.00	6.40	6.90	8.13	2 NT	0.5	2	1	29.93	
159	Điều dưỡng	DDHY02	Phạm Thị	Hà	08/04/1983	7.0	6.4	6.9	8.13	2-NT	0.50	ƯT2	1.00	29.93	
160	Điều dưỡng	DDBCA66	Trần Huyền	Trang	17/04/1991	7.60	6.00	6.40	7.90	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	29.90	
161	Điều dưỡng	DDHY38	Dương Thị	Anh	21/05/1988	6.9	6.6	6.9	8.25	2	0.25	ƯT2	1.00	29.90	
162	Điều dưỡng	DDHD33	Nguyễn Hồng	Thảo	01/11/1991	6.50	7.30	7.40	7.64	3	0	2	1	29.84	
163	Điều dưỡng	DDHY31	Nguyễn Văn	Tiêm	13/07/1993	6.4	6.9	6.5	8.51	2-NT	0.50	ƯT2	1.00	29.81	
164	Điều dưỡng	DDB02	Bùi Thị	Hào	04/10/1984	7.70	7.30	6.30	7.50	KV3	0.00	ƯT2	1	29.80	
165	Điều dưỡng	DDHY46	Nguyễn Thị	Xuân	20/11/1983	6.7	6.9	6.9	7.73	2-NT	0.50	ƯT2	1.00	29.73	
166	Điều dưỡng	DDB57	Nguyễn Thị Thuý	Dương	30/9/1990	7.40	8.00	7.50	6.83	KV3	0.00	ƯT3	0	29.73	
167	Điều dưỡng	DD19823	Nguyễn Thị	Mai	21/09/1989	6.50	7.30	7.20	7.70	3	0.00	ƯT2	1	29.70	
168	Điều dưỡng	DDHD14	Đàm Thị Bích	Phương	18/04/1979	6.90	7.20	6.40	8.20	3	0	2	1	29.70	
169	Điều dưỡng	DDHD86	VŨ THANH	Hoa	10/11/1995	7.70	7.70	6.30	8.00	3	0	3	0	29.70	
170	Điều dưỡng	DDBCA61	Trần Lệ	Thùy	15/3/1988	7.60	7.60	6.60	7.90	KV 3	0.00	ƯT 3	0.00	29.70	
171	Điều dưỡng	DDTH26	Mai Công	Vinh	15/03/1984	9.10	6.60	6.60	7.11	2	0.25	3	0.00	29.66	
172	Điều dưỡng	DDHD115	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	22/01/1982	6.60	6.60	7.50	7.95	3	0	2	1	29.65	
173	Điều dưỡng	DDHD24	Nguyễn Ngọc	Anh	10/10/1978	6.10	7.80	5.80	8.70	2	0.25	2	1	29.65	
174	Điều dưỡng	DDTH17	Lê Thị Ngọc	Linh	01/01/1988	6.60	8.10	7.80	6.88	2	0.25	3	0.00	29.63	

STT	Tên ngành học	MÃ HỒ SƠ	Họ	Tên	NGÀY SINH	Học Bạ (Lớp 12)			Điểm TBC hệ Cao đẳng (4)	Khu vực	Điểm ưu tiên khu vực (5)	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng (6)	Tổng điểm (1+2+3+4+5+6)	Ghi chú
						Toán (1)	Hóa (2)	Sinh (3)							
175	Điều dưỡng	DDTH06	Trịnh Thị	Nga	20/05/1988	8.20	6.50	5.90	7.27	1	0.75	2	1.00	29.62	
176	Điều dưỡng	DDTH08	Mai Thị	Thủy	16/01/1988	6.40	7.40	6.80	7.52	2NT	0.50	2	1.00	29.62	
177	Điều dưỡng	DDBCA05	Võ Thị Ngọc	Ánh	12/04/1987	6.90	7.30	7.30	8.10	KV 3	0.00	ƯT 3	0.00	29.60	
178	Điều dưỡng	DDBCA22	Nguyễn Thị Thu	Hảo	05/9/1991	6.50	6.30	6.90	7.90	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	29.60	
179	Điều dưỡng	DDBCA44	Lê Thị	Nhung	03.11.1987	6.50	6.90	6.30	7.90	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	29.60	
180	Điều dưỡng	DDB28	Nguyễn Đình	Hoàng	26/6/1993	6.70	6.00	7.90	7.20	KV1	0.75	ƯT2	1	29.55	
181	Điều dưỡng	DDTH19	Hoàng Văn	Bình	17/05/1992	7.70	7.70	6.20	7.68	2	0.25	3	0.00	29.53	
182	Điều dưỡng	DDBCA02	Nguyễn Thị Lan	Anh	16.03.1990	6.40	6.00	7.40	7.70	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	29.50	
183	Điều dưỡng	DDHY24	Lưu Thị Hồng	Nhung	08/09/1977	6.7	6.8	6.2	8.3	2-NT	0.50	ƯT2	1.00	29.50	
184	Điều dưỡng	DDHY50	Lưu Ngọc	Huyền	10/03/1995	7.2	6.6	6.8	8.37	2-NT	0.50	ƯT3	0.00	29.47	
185	Điều dưỡng	DDHD62	TRẦN THỊ	MAI	01/01/1990	7.50	6.80	6.90	8.00	2	0.25	3	0.00	29.45	
186	Điều dưỡng	DDTH27	Nguyễn Thị	Hằng	02/10/1991	7.20	6.90	7.70	7.39	2	0.25	3	0.00	29.44	
187	Điều dưỡng	DDTH38	Đỗ Thị Minh	Thúy	16/06/1991	6.50	6.70	6.70	8.29	2	0.25	2	1.00	29.44	
188	Điều dưỡng	DD19802	Trần Thị Ngọc	Anh	27/08/1986	6.80	6.60	7.30	7.70	3	0.00	ƯT2	1	29.40	
189	Điều dưỡng	DDBCA53	Hoàng Thị	Tâm	17/7/1993	5.80	6.80	6.30	8.50	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	29.40	
190	Điều dưỡng	DDTH36	Mai Thị	Trang	10/03/1988	7.00	8.20	5.70	7.25	2	0.25	2	1.00	29.40	
191	Điều dưỡng	DD19815	Nguyễn Thị	Hồng	09/06/1988	6.20	8.40	6.40	7.37	3	0.00	ƯT2	1	29.37	
192	Điều dưỡng	DDHD92	BÙI QUANG	TRƯỜNG	01/08/1987	7.40	6.50	6.80	7.16	2 NT	0.5	2	1	29.36	
193	Điều dưỡng	DDHY03	Bùi Quang	Trường	01/08/1987	7.4	6.5	6.8	7.16	2-NT	0.50	ƯT2	1.00	29.36	
194	Điều dưỡng	DDB47	Đào Thị Ánh	Phượng	23/12/1987	6.70	7.30	7.70	7.40	KV2	0.25	ƯT3	0	29.35	
195	Điều dưỡng	DDHD88	TRẦN THỊ	UYÊN	16/08/1992	6.90	6.80	6.30	8.10	2	0.25	2	1	29.35	
196	Điều dưỡng	DDHD06	Nguyễn Thị	Phương	13/10/1995	7.40	7.30	7.10	7.53	3	0	3	0.00	29.33	
197	Điều dưỡng	DDHD121	TRẦN NAM BÌNH	TRIỆU	14/10/1997	7.70	7.50	6.00	7.63	2-NT	0.5	3	0	29.33	
198	Điều dưỡng	DDHD67	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	03/01/1989	7.70	5.50	7.10	7.78	2	0.25	2	1	29.33	
199	Điều dưỡng	DDHY56	Bùi Thị	Duyên	27/12/1992	6.7	6.1	7.1	7.93	2-NT	0.50	ƯT2	1.00	29.33	
200	Điều dưỡng	DDTH50	Lê Thủy	Tiên	10/05/1997	6.80	7.80	7.50	6.97	2	0.25	3	0.00	29.32	
201	Điều dưỡng	DDBCA69	Đỗ Văn	Tú	28/7/1994	6.40	6.40	6.80	7.70	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	29.30	
202	Điều dưỡng	DDHD66	NGUYỄN THỊ THỦY	DUNG	01/03/1995	8.00	7.40	5.90	7.48	2 NT	0.5	3	0.00	29.28	
203	Điều dưỡng	DDB40	Lương Thị Thanh	Hoà	24/6/1984	6.00	6.80	7.20	7.99	KV2	0.25	ƯT2	1	29.24	
204	Điều dưỡng	DDHD107	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	ANH	24/05/1995	7.20	7.20	7.00	7.59	2	0.25	3	0.00	29.24	

STT	Tên ngành học	MÃ HỒ SƠ	Họ	Tên	NGÀY SINH	Học Bạ (Lớp 12)			Điểm TBC hệ Cao đẳng (4)	Khu vực	Điểm ưu tiên khu vực (5)	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng (6)	Tổng điểm (1+2+3+4+5+6)	Ghi chú
						Toán (1)	Hóa (2)	Sinh (3)							
205	Điều dưỡng	DDBCA03	Đỗ Thị Vân	Anh	08/12/1987	6.10	6.40	8.00	7.73	KV 3	0.00	ƯT 2	1.00	29.23	
206	Điều dưỡng	DD19828	Đặng Thị	Thảo	30/07/1992	6.40	7.10	7.40	7.77	2NT	0.5	ƯT3	0.00	29.17	
207	Điều dưỡng	DDHD28	Nguyễn Thị Khánh	Hà	04/09/1988	6.80	5.20	8.10	8.05	3	0	2	1	29.15	
208	Điều dưỡng	DDHD98	NGUYỄN THỊ	HÙNG	20/05/1988	7.50	6.00	6.70	7.70	2	0.25	2	1	29.15	
209	Điều dưỡng	DDTH73	Phạm Thị	Phượng	17/02/1987	7.10	6.60	6.80	7.40	2	0.25	2	1.00	29.15	
210	Điều dưỡng	DDTH40	Lê Thị	Hương	01/06/1985	6.50	7.00	7.10	7.29	2	0.25	2	1.00	29.14	
211	Điều dưỡng	DDTH67	Lê Thị	Thủy	10/05/1989	6.60	7.80	6.00	7.49	2	0.25	2	1.00	29.14	
212	Điều dưỡng	DDB22	Hoàng Thị Mai	Lan	20/4/1992	8.20	6.60	6.70	7.60	KV3	0.00	ƯT3	0	29.10	
213	Điều dưỡng	DDB27	Nguyễn Thị Thuý	Vân	16/9/1986	8.10	6.30	6.20	7.50	KV3	0.00	ƯT2	1	29.10	
214	Điều dưỡng	DDB36	Nguyễn Phương	Thuý	22/12/1990	6.40	6.70	7.80	7.12	KV3	0.00	ƯT2	1	29.02	
215	Điều dưỡng	DDHY42	Hoàng Thị Như	Huế	02/01/1989	6.4	5.9	7.3	8.16	2	0.25	ƯT2	1.00	29.01	
216	Điều dưỡng	DDBCA33	Trần Thị	Huyền	20.09.1993	6.20	6.90	5.50	8.40	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	29.00	
217	Điều dưỡng	DDBCA70	Trần Thị	Tươi	20/7/1987	6.40	6.10	6.20	8.30	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	29.00	
218	Điều dưỡng	DDTH13	Nguyễn Văn	Quang	22/03/1999	7.50	6.90	6.20	7.64	1	0.75	3	0.00	28.99	
219	Điều dưỡng	DDTH42	Nguyễn Phú	Hòa	20/11/1985	5.80	6.40	8.20	7.32	2	0.25	2	1.00	28.97	
220	Điều dưỡng	DDB10	Đồng Thị	Hương	06/8/1986	6.80	6.80	7.60	7.75	KV3	0.00	ƯT3	0	28.95	
221	Điều dưỡng	DD19813	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	03/10/1980	6.40	7.00	7.30	7.98	2	0.25	ƯT3	0.00	28.93	
222	Điều dưỡng	DDHY53	Vũ Thị	Thắm	01/07/1991	7.2	5.1	7.2	7.91	2-NT	0.50	ƯT2	1.00	28.91	
223	Điều dưỡng	DDTH79	Nguyễn Thị	Ngọc	29/08/1988	6.00	6.90	7.20	7.55	2	0.25	2	1.00	28.90	
224	Điều dưỡng	DDBCA09	Đỗ Minh	Chiến	12.10.1993	6.30	5.70	6.80	8.10	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	28.90	
225	Điều dưỡng	DDTH72	Trịnh Tuyết	Mai	08/12/1989	7.30	6.70	6.10	7.02	1	0.75	2	1.00	28.87	
226	Điều dưỡng	DDB62	Bùi Thị Thanh	Vân	16/02/1982	6.30	6.90	7.40	7.26	KV3	0.00	ƯT2	1	28.86	
227	Điều dưỡng	DDHD04	Nguyễn Thị	Hương	20/12/1995	6.80	6.40	7.50	7.66	2NT	0.5	3	0.00	28.86	
228	Điều dưỡng	DDHD08	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	26/11/1996	6.90	7.10	7.40	7.45	3	0	3	0.00	28.85	
229	Điều dưỡng	DDTH70	Nguyễn Thị	Phượng	06/07/1987	7.30	5.60	6.80	7.89	2	0.25	2	1.00	28.84	
230	Điều dưỡng	DDHY45	Nguyễn Thị	Loan	10/02/1991	6.1	6.2	7.2	8.08	2	0.25	ƯT2	1.00	28.83	
231	Điều dưỡng	DDHY43	Nguyễn Thị	Lộc	11/02/1990	6.5	6.7	6.6	7.76	2	0.25	ƯT2	1.00	28.81	
232	Điều dưỡng	DDHD95	NGUYỄN PHƯƠNG	THÙY	10/07/1986	5.70	6.10	7.40	8.60	3	0	2	1	28.80	
233	Điều dưỡng	DDBCA26	Nguyễn Thị	Hoàn	28/8/1989	5.80	5.30	7.60	8.10	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	28.80	
234	Điều dưỡng	DDHY14	Đào Thị	Thuận	23/12/1990	6.4	6.2	6.7	7.99	2-NT	0.50	ƯT2	1.00	28.79	

STT	Tên ngành học	MÃ HỒ SƠ	Họ	Tên	NGÀY SINH	Học Bạ (Lớp 12)			Điểm TBC hệ Cao đẳng (4)	Khu vực	Điểm ưu tiên khu vực (5)	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng (6)	Tổng điểm (1+2+3+4+5+6)	Ghi chú
						Toán (1)	Hóa (2)	Sinh (3)							
235	Điều dưỡng	DDHY62	Trịnh Thị	Nga	07/10/1993	7.3	6.9	6.9	7.1	2-NT	0.50	ƯT3	0.00	28.70	
236	Điều dưỡng	DDBCA65	Nguyễn Thị	Trang	18/9/1990	6.10	5.70	6.60	8.30	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	28.70	
237	Điều dưỡng	DDBCA46	Nguyễn Thị	Nụ	19.01.1987	5.60	6.10	7.10	7.90	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	28.70	
238	Điều dưỡng	DDBCA51	Nguyễn Thị	Quỳnh	26/6/1990	5.60	6.30	6.90	7.90	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	28.70	
239	Điều dưỡng	DDHD20	Nguyễn Thị	Tuyết	20/03/1996	7.30	6.70	7.00	7.69	3	0	3	0.00	28.69	
240	Điều dưỡng	DDHD45	Nguyễn Thị	Hạnh	21/07/1987	6.70	6.90	6.30	7.50	2	0.25	2	1	28.65	
241	Điều dưỡng	DDHY10	Phạm Thu	Thùy	02/12/1994	6.8	7.4	6.6	7.6	2	0.25	ƯT3	0.00	28.65	
242	Điều dưỡng	DDB19	Hoàng Thị Thiên	Trang	08/12/1983	6.70	6.40	7.70	7.80	KV3	0.00	ƯT3	0	28.60	
243	Điều dưỡng	DDBCA58	Lê Thị Bích	Thảo	19/10/1992	7.00	7.40	7.10	7.10	KV 3	0.00	ƯT 3	0.00	28.60	
244	Điều dưỡng	DDHD23	Phạm Thứ	Sáu	26/06/1988	6.40	5.50	7.10	8.30	2	0.25	2	1	28.55	
245	Điều dưỡng	DDTH61	Hoàng Thị Hải	Vân	14/05/1984	6.60	6.80	6.60	7.30	2	0.25	2	1.00	28.55	
246	Điều dưỡng	DDHD101	NGUYỄN THỊ BÍCH	HẰNG	27/04/1982	5.50	7.70	6.00	8.09	2	0.25	2	1	28.54	
247	Điều dưỡng	DDHD47	LÊ THỊ	HIỀN	03/02/1997	6.90	6.80	7.30	7.22	2	0.25	3	0.00	28.47	
248	Điều dưỡng	DDHD12	Cần Thị	Mai	22/08/1992	6.60	5.30	8.00	7.31	2	0.25	2	1	28.46	
249	Điều dưỡng	DDHD41	Nguyễn Văn	Quân	14/11/1990	7.90	5.10	5.70	8.50	2	0.25	2	1	28.45	
250	Điều dưỡng	DD19819	Nguyễn Thị Thu	Hường	07/05/1990	6.80	6.40	6.50	7.49	2	0.25	ƯT2	1	28.44	
251	Điều dưỡng	DDHD30	Đỗ Thanh	Hải	10/03/1997	6.20	6.40	8.90	6.93	3	0	3	0.00	28.43	
252	Điều dưỡng	DDHY35	Đồng Thị	Nhân	07/09/1989	6.8	6.3	5.9	7.93	2-NT	0.50	ƯT2	1.00	28.43	
253	Điều dưỡng	DD19810	Lê Thị	Hải	04/06/1992	7.00	6.00	6.80	8.09	2NT	0.5	ƯT3	0.00	28.39	
254	Điều dưỡng	DDTH30	Hoàng Thị	Tiếp	10/01/1992	6.40	6.00	7.70	7.48	1	0.75	3	0.00	28.33	
255	Điều dưỡng	DDB04	Đỗ Thị Lan	Anh	21/01/1995	6.60	6.10	6.70	7.91	KV3	0.00	ƯT2	1	28.31	
256	Điều dưỡng	DDB32	Lê Trần Khánh	Huyền	02/9/1995	6.20	6.60	6.90	7.60	KV3	0.00	ƯT2	1	28.30	
257	Điều dưỡng	DDBCA06	Nguyễn Bích	Phương	18/09/1997	7.10	6.90	6.30	8.00	KV 3	0.00	ƯT 3	0.00	28.30	
258	Điều dưỡng	DDTH23	Nguyễn Thảo	Nguyễn	17/08/1994	7.70	6.40	7.20	6.75	2	0.25	3	0.00	28.30	
259	Điều dưỡng	DDB29	Phạm Minh	Hoàng	22/3/1993	7.60	6.90	5.70	7.10	KV3	0.00	ƯT2	1	28.30	
260	Điều dưỡng	DD19835	Nguyễn Hồng	Trang	09/11/1994	7.40	5.70	6.50	7.68	3	0.00	ƯT2	1	28.28	
261	Điều dưỡng	DDTH39	Tổng Phương	Linh	23/12/1990	6.00	7.10	7.30	6.62	2	0.25	2	1.00	28.27	
262	Điều dưỡng	DD19816	Trần Minh	Huệ	03/01/1992	6.50	6.00	7.70	7.04	3	0.00	ƯT2	1	28.24	
263	Điều dưỡng	DDB11	Nguyễn Đức	Nhất	09/9/1993	6.60	6.40	7.80	6.40	KV3	0.00	ƯT2	1	28.20	
264	Điều dưỡng	DDB56	Bùi Thị Thuý	Dương	11/5/1990	7.40	6.20	5.10	8.00	KV2 NT	0.50	ƯT2	1	28.20	

STT	Tên ngành học	MÃ HỒ SƠ	Họ	Tên	NGÀY SINH	Học Bạ (Lớp 12)			Điểm TBC hệ Cao đẳng (4)	Khu vực	Điểm ưu tiên khu vực (5)	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng (6)	Tổng điểm (1+2+3+4+5+6)	Ghi chú
						Toán (1)	Hóa (2)	Sinh (3)							
265	Điều dưỡng	DDBCA08	Nguyễn Thị Hồng	Chiên	17.09.1987	5.70	5.40	7.20	7.90	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	28.20	
266	Điều dưỡng	DD19808	Nguyễn Thị Kim	Dung	13/11/1985	6.00	7.00	6.70	7.50	3	0.00	ƯT2	1	28.20	
267	Điều dưỡng	DDBCA72	Lê Thị	Văn	07.10.1988	5.50	6.30	6.60	7.80	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	28.20	
268	Điều dưỡng	DDHY41	Hoàng Thị	Huế	30/12/1992	6.3	6.2	6.3	8.11	2	0.25	ƯT2	1.00	28.16	
269	Điều dưỡng	DDHD99	NGUYỄN THỊ BÍCH	HÔNG	10/12/1989	7.40	5.60	5.60	8.30	2	0.25	2	1	28.15	
270	Điều dưỡng	DD19827	Đặng Thị	Tâm	10/07/1993	6.60	6.50	7.10	7.69	2	0.25	ƯT3	0.00	28.14	
271	Điều dưỡng	DDHD43	Cần Thị	Thắng	12/03/1983	7.40	5.50	6.20	8.00	3	0	2	1	28.10	
272	Điều dưỡng	DDHD48	VŨ THỊ	HẠNH	22/05/1995	6.10	6.70	6.20	8.10	3	0	2	1	28.10	
273	Điều dưỡng	DDTH14	Phan Thanh	Ninh	16/10/1981	5.40	7.10	7.70	6.38	2NT	0.50	2	1.00	28.08	
274	Điều dưỡng	DDHY64	Vũ Thanh	Loan	01/05/1985	6.4	5.9	6.5	7.76	2-NT	0.50	ƯT2	1.00	28.06	
275	Điều dưỡng	DDTH07	Mai Thị	Huyền	10/01/1979	6.80	6.00	6.50	7.26	2NT	0.50	2	1.00	28.06	
276	Điều dưỡng	DDTH63	Nguyễn Thị	Bình	19/05/1987	6.60	5.70	7.10	7.38	2	0.25	2	1.00	28.03	
277	Điều dưỡng	DDBCA20	Lại Thị Thu	Hà	27.03.1989	6.80	4.50	6.40	8.30	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	28.00	
278	Điều dưỡng	DDB12	Nguyễn Thị Hồng	Dương	10/01/1992	6.80	6.90	7.20	7.10	KV3	0.00	ƯT3	0	28.00	
279	Điều dưỡng	DDBCA73	Phan Quang	Vinh	30/6/1989	6.00	5.20	7.00	7.80	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	28.00	
280	Điều dưỡng	DDBCA76	Nguyễn Thị Hải	Yến	17/3/1989	6.30	6.00	6.10	7.60	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	28.00	
281	Điều dưỡng	DDHY59	Nguyễn Thị	Nhài	20/06/1983	6.4	5.9	6.2	7.97	2-NT	0.50	ƯT2	1.00	27.97	
282	Điều dưỡng	DDHY40	Trần Thị	Xoan	29/03/1993	6.3	6.9	5.6	7.88	2	0.25	ƯT2	1.00	27.93	
283	Điều dưỡng	DDTH03	Lê Thị	Lài	16/02/1985	5.70	6.20	7.40	7.12	2NT	0.50	2	1.00	27.92	
284	Điều dưỡng	DDTH12	Tổng Thị	Dung	01/10/1993	7.50	7.80	5.20	6.92	2NT	0.50	3	0.00	27.92	
285	Điều dưỡng	DDTH52	Nguyễn Thị	Thắm	30/10/1990	6.80	6.30	6.80	7.27	1	0.75	3	0.00	27.92	
286	Điều dưỡng	DDHD117	HOÀNG KIM	THƯ	10/10/1976	6.10	6.20	6.60	8.00	3	0	2	1	27.90	
287	Điều dưỡng	DDHD89	TRẦN THỊ	HẰNG	1987	5.80	6.40	6.20	8.20	2	0.25	2	1	27.85	
288	Điều dưỡng	DD19814	Phạm Văn	Hiệu	01/05/1979	6.50	7.40	5.20	7.74	3	0.00	ƯT2	1	27.84	
289	Điều dưỡng	DDTH82	Lê Thị	Mai	24/10/1989	6.30	6.90	6.10	7.27	2	0.25	2	1.00	27.82	
290	Điều dưỡng	DDB23	Lê Thị Kiều	Oanh	24/9/1992	7.20	5.60	6.80	7.20	KV3	0.00	ƯT2	1	27.80	
291	Điều dưỡng	DDBCA31	Dương Thị	Hương	01.07.1986	5.10	5.30	6.90	8.50	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	27.80	
292	Điều dưỡng	DDTH68	Hoàng Thị Hoa	Phượng	12/11/1991	7.60	5.40	5.80	7.74	2	0.25	2	1.00	27.79	
293	Điều dưỡng	DDBCA36	Đỗ Khánh	Linh	20/09/1994	6.40	6.10	7.50	7.78	KV 3	0.00	ƯT 3	0.00	27.78	
294	Điều dưỡng	DDHD57	TRẦN THỊ	HUYỀN	25/10/1993	6.20	6.20	6.80	7.57	3	0	2	1	27.77	

STT	Tên ngành học	MÃ HỒ SƠ	Họ	Tên	NGÀY SINH	Học Bạ (Lớp 12)			Điểm TBC hệ Cao đẳng (4)	Khu vực	Điểm ưu tiên khu vực (5)	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng (6)	Tổng điểm (1+2+3+4+5+6)	Ghi chú
						Toán (1)	Hóa (2)	Sinh (3)							
295	Điều dưỡng	DDHD51	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	24/08/1992	6.60	7.10	5.60	7.43	3	0	2	1	27.73	
296	Điều dưỡng	DDHD39	Phạm Thị	Huê	04/06/1989	5.30	6.00	6.50	8.40	2NT	0.5	2	1	27.70	
297	Điều dưỡng	DD19807	Nguyễn Phương	Dung	24/10/1990	6.10	6.00	8.30	7.30	3	0.00	ƯT3	0	27.70	
298	Điều dưỡng	DD19811	Trần Thị	Hạnh	27/07/1987	6.30	6.70	6.20	7.50	3	0.00	ƯT2	1	27.70	
299	Điều dưỡng	DD19826	Nguyễn Duy	Phương	28/02/1983	5.90	6.70	6.90	7.20	3	0.00	ƯT2	1	27.70	
300	Điều dưỡng	DDHY11	Phan Thị	Huyền	12/01/1987	6.7	5.9	6.6	8.22	2	0.25	ƯT3	0.00	27.67	
301	Điều dưỡng	DDB09	Đào Thị	Thuý	29/4/1994	5.40	7.50	7.50	7.00	KV2	0.25	ƯT3	0	27.65	
302	Điều dưỡng	DDTH71	Lê Minh	Hằng	29/11/1998	6.50	6.60	7.10	7.19	2	0.25	3	0.00	27.64	
303	Điều dưỡng	DDTH83	Hà Thị	Hồng	29/10/1993	5.30	6.30	7.00	7.79	2	0.25	2	1.00	27.64	
304	Điều dưỡng	DDBCA11	Nguyễn Anh	Đức	30/3/1989	5.80	5.70	6.90	7.23	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	27.63	
305	Điều dưỡng	DD19812	Lưu Thị Thu	Hằng	27/11/1989	5.30	5.40	8.50	7.40	3	0.00	ƯT2	1	27.60	
306	Điều dưỡng	DDB48	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	28/10/1983	6.70	5.20	7.30	7.40	KV3	0.00	ƯT2	1	27.60	
307	Điều dưỡng	DDB03	Vũ Thị Kiều	Trang	24/10/1994	6.50	5.00	7.30	7.50	KV2	0.25	ƯT2	1	27.55	
308	Điều dưỡng	DDHY32	Nguyễn Thị	Hạnh	14/10/1984	5.9	5.5	6.9	7.97	2	0.25	ƯT2	1.00	27.52	
309	Điều dưỡng	DDHY37	Lâm Thị	Duyên	04/05/1995	5.8	5.7	6.7	8.32	3	0.00	ƯT2	1.00	27.52	
310	Điều dưỡng	DD19829	Vũ Thị	Thơ	04/04/1975	5.50	6.50	7.40	8.10	3	0.00	ƯT3	0	27.50	
311	Điều dưỡng	DDHY21	Phạm Thị Kim	Thúy	18/06/1979	5.9	6.0	6.2	8.1	2	0.25	ƯT2	1.00	27.45	
312	Điều dưỡng	DDHD13	Nguyễn Thị	Thu	30/03/1991	5.60	5.70	6.70	8.18	2	0.25	2	1	27.43	
313	Điều dưỡng	DDHY22	Đỗ Trang	Đức	18/03/1992	5.7	6.1	6.5	7.88	2	0.25	ƯT2	1.00	27.43	
314	Điều dưỡng	DD19824	Nguyễn Thị	Nhung	07/11/1996	6.30	6.60	6.40	7.38	1	0.75	ƯT3	0.00	27.43	
315	Điều dưỡng	DDB26	Nguyễn Thị	Hà	01/3/1987	5.50	6.30	6.90	7.71	KV3	0.00	ƯT2	1	27.41	
316	Điều dưỡng	DDHY20	Nguyễn Thị	Nguyệt	28/03/1987	7.6	6.4	5.2	7.96	2	0.25	ƯT3	0.00	27.41	
317	Điều dưỡng	DDHY07	Đặng Thị	Mến	21/08/1990	6.2	5.4	6.3	7.99	2-NT	0.50	ƯT2	1.00	27.39	
318	Điều dưỡng	DDHY28	Cao Việt	Hùng	22/07/1990	6.8	5.4	5.7	8.23	2	0.25	ƯT2	1.00	27.38	
319	Điều dưỡng	DDTH64	Lê Thị	Lệ	14/07/1989	6.30	6.50	5.90	7.42	2	0.25	2	1.00	27.37	
320	Điều dưỡng	DDTH29	Nguyễn Thị	Dung	26/11/1995	6.60	6.80	7.80	5.91	2	0.25	3	0.00	27.36	
321	Điều dưỡng	DDB30	trình Thị	Phương	29/11/1986	6.60	5.70	6.50	7.55	KV3	0.00	ƯT2	1	27.35	
322	Điều dưỡng	DDBCA24	Nguyễn Thị	Hiền	29/3/1990	5.40	6.20	6.10	7.60	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	27.30	
323	Điều dưỡng	DDTH01	Hà Thị	Hằng	01/07/1983	6.30	6.20	5.90	7.36	2NT	0.50	2	1.00	27.26	
324	Điều dưỡng	DDHY09	Phạm Thị Thanh	Nga	18/12/1987	5.2	5.4	7.1	8.04	2-NT	0.50	ƯT2	1.00	27.24	

STT	Tên ngành học	MÃ HỒ SƠ	Họ	Tên	NGÀY SINH	Học Bạ (Lớp 12)			Điểm TBC hệ Cao đẳng (4)	Khu vực	Điểm ưu tiên khu vực (5)	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng (6)	Tổng điểm (1+2+3+4+5+6)	Ghi chú
						Toán (1)	Hóa (2)	Sinh (3)							
325	Điều dưỡng	DDBCA34	Đào Thị	Lan	21/12/1989	5.80	5.20	6.90	7.33	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	27.23	
326	Điều dưỡng	DDHY16	Nguyễn Thị	Nga	25/10/1989	6.9	5.0	6.9	7.91	2-NT	0.50	ƯT3	0.00	27.21	
327	Điều dưỡng	DDHY36	Ngô Thị Kim	Anh	17/11/1994	6.6	5.6	6.6	7.88	2-NT	0.50	ƯT3	0.00	27.18	
328	Điều dưỡng	DDBCA47	Lã Thị	Phúc	20/08/1990	5.70	5.70	7.00	7.76	KV 3	0.00	ƯT 2	1.00	27.16	
329	Điều dưỡng	DDHD61	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	23/02/1995	7.30	6.10	6.30	7.44	3	0	3	0.00	27.14	
330	Điều dưỡng	DDHD59	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	01/06/1990	6.10	5.60	7.00	8.16	2	0.25	3	0.00	27.11	
331	Điều dưỡng	DD19822	Hoàng Quang	Linh	24/12/1994	5.60	6.20	6.80	8.00	2NT	0.5	ƯT3	0.00	27.10	
332	Điều dưỡng	DDHD113	TÔ THỊ	HẢO	19/02/1982	6.00	5.50	5.90	8.40	2	0.25	2	1	27.05	
333	Điều dưỡng	DDBCA71	Đỗ Thị	Tuyết	24/8/1989	5.90	5.50	5.70	7.90	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	27.00	
334	Điều dưỡng	DDHD65	NGUYỄN THỊ	ÁNH	10/08/1986	6.30	5.00	6.60	8.10	3	0	2	1	27.00	
335	Điều dưỡng	DDHD116	VŨ XUÂN	HOẠCH	28/04/1985	4.90	5.80	7.10	8.20	3	0	2	1	27.00	
336	Điều dưỡng	DDB31	Trần Đức	Quý	28/3/1993	5.50	6.60	6.60	7.29	KV3	0.00	ƯT2	1	26.99	
337	Điều dưỡng	DD19834	Đỗ Thị Thu	Trang	01/08/1996	7.40	5.70	6.50	7.12	2	0.25	ƯT3	0	26.97	
338	Điều dưỡng	DDBCA40	Nguyễn Thị Thu	Nga	25/04/1990	6.60	5.50	6.10	7.76	KV 3	0.00	ƯT 2	1.00	26.96	
339	Điều dưỡng	DDHY48	Nguyễn Ngọc	Ánh	10/07/1995	6.9	5.7	5.9	8.2	2	0.25	ƯT3	0.00	26.95	
340	Điều dưỡng	DDTH55	Nguyễn Thế	Giới	06/09/1991	6.60	6.50	6.10	7.50	2	0.25	3	0.00	26.95	
341	Điều dưỡng	DDTH74	Lê Thị Thùy	Dung	16/02/1992	6.60	5.50	6.10	7.50	2	0.25	2	1.00	26.95	
342	Điều dưỡng	DDHY44	Ta Thị	Hậu	19/08/1993	5.6	5.7	6.3	8.09	2	0.25	ƯT2	1.00	26.94	
343	Điều dưỡng	DDBCA52	Lê Thị Minh	Tâm	05/5/1991	5.70	5.10	6.30	7.80	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	26.90	
344	Điều dưỡng	DDHD44	Hồ Văn	Dũng	05/07/1986	5.20	5.80	6.90	8.00	3	0	2	1	26.90	
345	Điều dưỡng	DDTH44	Nguyễn Thị	Dung	16/08/1990	5.00	6.70	6.40	7.53	2	0.25	2	1.00	26.88	
346	Điều dưỡng	DDB44	Đỗ Thị Như	Trang	13/01/1991	5.40	6.80	6.40	7.27	KV3	0.00	ƯT2	1	26.87	
347	Điều dưỡng	DDHD75	TRẦN THỊ THÙY	LINH	02/03/1996	6.50	6.00	6.60	7.77	3	0	3	0.00	26.87	
348	Điều dưỡng	DD19825	Khuất Văn	Phòng	23/07/1989	6.60	5.40	6.70	7.16	3	0.00	ƯT2	1	26.86	
349	Điều dưỡng	DDHY49	Trần Thị	Trang	25/09/1990	6.0	6.1	6.4	8.08	2	0.25	ƯT3	0.00	26.83	
350	Điều dưỡng	DDBCA28	Lê Xuân	Hùng	23.12.1982	5.00	5.50	6.80	7.50	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	26.80	
351	Điều dưỡng	DD19831	Đặng Thị Lệ	Thu	15/04/1992	7.30	6.40	5.60	7.50	3	0.00	ƯT3	0.00	26.80	
352	Điều dưỡng	DDHD84	NGUYỄN THỊ	HOAT	10/08/1987	5.60	6.30	5.90	8.00	3	0	2	1	26.80	
353	Điều dưỡng	DDHY52	Nguyễn Thị	Đào	26/09/1993	5.6	5.6	6.5	7.6	2-NT	0.50	ƯT2	1.00	26.80	
354	Điều dưỡng	DDHY65	Nguyễn Thị	Mây	04/12/1988	6.0	6.5	5.7	8.08	2-NT	0.50	ƯT3	0.00	26.78	

STT	Tên ngành học	MÃ HỒ SƠ	Họ	Tên	NGÀY SINH	Học Bạ (Lớp 12)			Điểm TBC hệ Cao đẳng (4)	Khu vực	Điểm ưu tiên khu vực (5)	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng (6)	Tổng điểm (1+2+3+4+5+6)	Ghi chú
						Toán (1)	Hóa (2)	Sinh (3)							
355	Điều dưỡng	DD19801	Hoàng Mạnh	Anh	16/02/1992	5.20	6.00	6.20	8.10	2	0.25	ƯT2	1	26.75	
356	Điều dưỡng	DDB54	Đoàn Thị Như	Quỳnh	26/3/1996	6.00	6.50	6.70	7.30	KV2	0.25	ƯT3	0	26.75	
357	Điều dưỡng	DDHD79	PHẠM KHÁ	THÁI	08/06/1986	6.70	5.60	6.30	7.90	2	0.25	3	0.00	26.75	
358	Điều dưỡng	DDTH21	Lê Trần	Quỳnh	01/04/1989	5.30	5.30	7.60	7.30	2	0.25	2	1.00	26.75	
359	Điều dưỡng	DDTH66	Nguyễn Thị	Phương	05/09/1990	6.50	5.30	6.70	6.93	2	0.25	2	1.00	26.68	
360	Điều dưỡng	DDTH16	Lê Thị	Hồng	10/04/1975	5.60	6.40	5.60	7.31	1	0.75	2	1.00	26.66	
361	Điều dưỡng	DDHY58	Trần Thị	Thúy	01/04/1984	5.8	5.5	5.8	8.04	2-NT	0.50	ƯT2	1.00	26.64	
362	Điều dưỡng	DDTH54	Phạm Thị	Phượng	20/09/1995	7.50	6.60	5.80	6.46	2	0.25	3	0.00	26.61	
363	Điều dưỡng	DDB01	Vũ Thị	Duyên	03/3/1982	6.30	5.70	5.70	7.65	KV2	0.25	ƯT2	1	26.60	
364	Điều dưỡng	DDTH20	Mai Thanh	Tinh	25/07/1992	5.30	6.60	6.50	6.68	2NT	0.50	2	1.00	26.58	
365	Điều dưỡng	DDTH51	Cao Văn	Bằng	05/09/1985	6.60	6.50	5.80	7.41	2	0.25	3	0.00	26.56	
366	Điều dưỡng	DDHD108	HOÀNG VĂN	HẢI	22/01/1999	6.20	5.70	6.20	8.20	2	0.25	3	0	26.55	
367	Điều dưỡng	DDBCA21	Vũ Ngọc	Hải	19/01/1982	6.50	6.40	5.90	7.70	KV 3	0.00	ƯT 3	0.00	26.50	
368	Điều dưỡng	DDHY63	Hoàng Thị Hồng	Diệp	02/12/1993	6.2	5.3	5.6	8.15	2	0.25	ƯT2	1.00	26.50	
369	Điều dưỡng	DDTH48	Lê Thị Kim	Cúc	30/10/1994	6.00	6.10	7.00	7.13	2	0.25	3	0.00	26.48	
370	Điều dưỡng	DDHD53	PHẠM ĐỨC	TIẾN	18/03/1995	5.30	5.70	6.90	7.58	3	0	2	1	26.48	
371	Điều dưỡng	DDHY34	Đỗ Thị Minh	Thoa	01/10/1983	4.7	6.8	5.7	7.77	2-NT	0.50	ƯT2	1.00	26.47	
372	Điều dưỡng	DDTH24	Nguyễn Thành	An	27/10/1988	5.90	5.80	6.20	6.77	1	0.75	2	1.00	26.42	
373	Điều dưỡng	DDBCA15	Nguyễn Thị	Hà	18/8/1989	5.40	5.00	6.10	7.90	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	26.40	
374	Điều dưỡng	DDTH81	Bùi Thị	Thúy	09/04/1988	6.20	5.30	6.70	6.95	2	0.25	2	1.00	26.40	
375	Điều dưỡng	DD19838	Nguyễn Thúy	Hằng	04/12/1977	5.3	5.8	6.3	7.95	3	0.00	ƯT2	1	26.35	
376	Điều dưỡng	DDHY29	Hoàng Thị	Nguyễn	30/05/1989	6.7	3.9	6.5	7.99	2	0.25	ƯT2	1.00	26.34	
377	Điều dưỡng	DDTH25	Lê Văn	Ngọc	01/09/1995	6.70	6.00	5.70	7.68	2	0.25	3	0.00	26.33	
378	Điều dưỡng	DDHD19	Lương Thị	Liên	06/10/1980	5.60	6.20	5.80	7.47	2	0.25	2	1	26.32	
379	Điều dưỡng	DDHD76	ĐOÀN THỊ	Hà	05/07/1998	5.00	6.50	6.70	8.12	3	0	3	0.00	26.32	
380	Điều dưỡng	DDHD110	LÊ THỊ THU	HUYỀN	23/10/1982	4.80	6.50	5.70	8.30	3	0	2	1	26.30	
381	Điều dưỡng	DDHD54	LÊ THỊ HỒNG	TƯỚI	08/12/1989	5.00	6.90	5.20	8.20	3	0	2	1	26.30	
382	Điều dưỡng	DDTH47	Lê Quỳnh	Chi	07/06/1994	5.10	7.00	6.70	7.21	2	0.25	3	0.00	26.26	
383	Điều dưỡng	DDB35	Nguyễn Thị	Bắc	19/5/1982	4.80	6.30	6.60	7.49	KV3	0.00	ƯT2	1	26.19	
384	Điều dưỡng	DDBCA56	Lê Phương	Thanh	02/10/1988	5.10	5.60	5.10	8.32	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	26.12	

STT	Tên ngành học	MÃ HỒ SƠ	Họ	Tên	NGÀY SINH	Học Bạ (Lớp 12)			Điểm TBC hệ Cao đẳng (4)	Khu vực	Điểm ưu tiên khu vực (5)	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng (6)	Tổng điểm (1+2+3+4+5+6)	Ghi chú
						Toán (1)	Hóa (2)	Sinh (3)							
385	Điều dưỡng	DDTH57	Cao Xuân	Thành	07/02/1989	5.40	5.90	5.60	7.47	1	0.75	2	1.00	26.12	
386	Điều dưỡng	DDTH53	Lê Thị	Trang	10/06/1990	5.80	6.10	6.20	7.21	1	0.75	3	0.00	26.06	
387	Điều dưỡng	DDHY30	Đặng Thị	Anh	06/07/1989	6.6	4.6	5.6	8.01	2	0.25	ƯT2	1.00	26.06	
388	Điều dưỡng	DD19820	Trần Ngọc	Khánh	02/09/1997	5.70	6.20	6.90	7.00	2	0.25	ƯT3	0.00	26.05	
389	Điều dưỡng	DDBCA59	Nguyễn Thị	Thêu	26/08/1980	4.90	5.20	6.10	7.80	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	26.00	
390	Điều dưỡng	DDHY25	Nguyễn Thị	Báu	13/11/1981	5.4	5.0	6.0	8.09	2-NT	0.50	ƯT2	1.00	25.99	
391	Điều dưỡng	DDHY15	Nguyễn Thị	Hiền	23/05/1986	6.2	5.4	6.2	7.68	2-NT	0.50	ƯT3	0.00	25.98	
392	Điều dưỡng	DDHY39	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	12/08/1989	5.3	5.5	5.8	8.08	2	0.25	ƯT2	1.00	25.93	
393	Điều dưỡng	DDHY33	Phạm Thị	Linh	02/02/1982	5.3	5.2	6.3	7.86	2	0.25	ƯT2	1.00	25.91	
394	Điều dưỡng	DDB18	Bùi Thị	Nhung	03/10/1987	4.50	5.20	6.30	8.40	KV2 NT	0.50	ƯT2	1	25.90	
395	Điều dưỡng	DDBCA12	Vũ Thị	Dung	20/6/1984	5.30	5.90	5.00	7.70	KV 3	0.00	ƯT 1	2.00	25.90	
396	Điều dưỡng	DDHD105	NGÔ THỊ BÍCH	PHƯƠNG	29/07/1989	4.60	4.80	7.50	8.00	3	0	2	1	25.90	
397	Điều dưỡng	DDTH22	Phạm Thị	Thương	20/04/1994	5.50	6.10	6.30	7.47	2NT	0.50	3	0.00	25.87	
398	Điều dưỡng	DDHD118	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	04/04/1990	4.80	7.30	5.60	7.91	2	0.25	3	0.00	25.86	
399	Điều dưỡng	DDHY55	Nguyễn Thị	Tâm	19/08/1984	6.0	5.2	6.2	8.21	2	0.25	ƯT3	0.00	25.86	
400	Điều dưỡng	DDB58	Nguyễn Tổ	Uyên	02/5/1991	6.40	5.00	6.90	7.30	KV2	0.25	ƯT3	0	25.85	
401	Điều dưỡng	DDTH33	Nguyễn Thị	Trang	29/11/1989	5.40	5.90	6.60	7.68	2	0.25	3	0.00	25.83	
402	Điều dưỡng	DD19840	Nguyễn Thị	Nga	25/06/1999	7.8	7	7.3	3.17	2NT	0.50	ƯT3	0	25.77	
403	Điều dưỡng	DDHY23	Lê Thị Thanh	Vân	17/05/1977	5.2	5.6	5.6	7.86	2-NT	0.50	ƯT2	1.00	25.76	
404	Điều dưỡng	DDTH43	Lê Minh	Thành	10/08/1990	5.40	5.60	6.00	7.51	2	0.25	2	1.00	25.76	
405	Điều dưỡng	DDHY12	Nguyễn Thị	Thủy	24/10/1985	5.3	5.6	6.2	8.14	2-NT	0.50	ƯT3	0.00	25.74	
406	Điều dưỡng	DDHD81	TRẦN THỊ PHƯƠNG	MAI	31/12/1994	5.30	6.30	6.10	7.03	3	0	2	1	25.73	
407	Điều dưỡng	DDHY08	Đào Thị	Hà	11/01/1989	5.2	5.2	5.8	8.03	2-NT	0.50	ƯT2	1.00	25.73	
408	Điều dưỡng	DDB37	Vũ Thanh	Tùng	2/01/1981	5.10	6.90	5.00	7.70	KV3	0.00	ƯT2	1	25.70	
409	Điều dưỡng	DD19821	Lê Kiều	Lan	02/03/1989	5.00	5.00	6.50	7.88	2	0.25	ƯT2	1	25.63	
410	Điều dưỡng	DDBCA78	Trần Hải	Yến	18/07/1992	6.10	6.00	5.70	7.78	KV 3	0.00	ƯT 3	0.00	25.58	
411	Điều dưỡng	DDBCA63	Nguyễn Thanh	Thủy	02/06/1990	5.20	5.00	6.50	7.88	KV 3	0.00	ƯT 2	1.00	25.58	
412	Điều dưỡng	DDBCA13	Lâm Thị	Dung	13/06/1983	5.10	5.80	5.50	8.09	KV 3	0.00	ƯT 2	1.00	25.49	
413	Điều dưỡng	DDTH09	Trương Thị	Tinh	08/08/1992	5.60	5.40	5.70	7.29	2NT	0.50	2	1.00	25.49	
414	Điều dưỡng	DDHD40	Nguyễn Thị	Khoa	22/02/1990	4.40	5.70	5.90	8.20	2	0.25	2	1	25.45	

STT	Tên ngành học	MÃ HỒ SƠ	Họ	Tên	NGÀY SINH	Học Bạ (Lớp 12)			Điểm TBC hệ Cao đẳng (4)	Khu vực	Điểm ưu tiên khu vực (5)	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng (6)	Tổng điểm (1+2+3+4+5+6)	Ghi chú
						Toán (1)	Hóa (2)	Sinh (3)							
415	Điều dưỡng	DDHD74	NGUYỄN HÀ	NINH	05/10/1985	5.20	5.40	5.80	8.00	3	0	2	1	25.40	
416	Điều dưỡng	DDHD119	NGUYỄN THỊ	HÀ	25/08/1982	6.40	5.10	5.70	7.93	2	0.25	3	0.00	25.38	
417	Điều dưỡng	DDHY67	Nguyễn Thị	Lương	11/12/1982	5.3	6.6	5.4	7.58	2-NT	0.50	ƯT3	0.00	25.38	
418	Điều dưỡng	DD19803	Nguyễn Thanh	Bình	08/04/1981	5.00	5.80	5.30	8.02	2	0.25	ƯT2	1	25.37	
419	Điều dưỡng	DDTH78	Trần Văn	Thọ	20/06/1990	5.90	5.70	5.80	6.72	2	0.25	2	1.00	25.37	
420	Điều dưỡng	DDB42	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	19/6/1977	4.40	6.20	6.20	7.30	KV2	0.25	ƯT2	1	25.35	
421	Điều dưỡng	DD19832	Ngô Thị	Tinh	12/11/1992	5.10	6.10	5.90	8.20	3	0.00	ƯT3	0.00	25.30	
422	Điều dưỡng	DDB45	Lê Thị	Hồng	06/10/1990	6.10	5.60	6.00	7.32	KV2	0.25	ƯT3	0	25.27	
423	Điều dưỡng	DDHD38	Trần Thị	Ngoân	25/12/1978	6.40	5.30	5.40	7.10	3	0	2	1	25.20	
424	Điều dưỡng	DDHY69	Trần Mai	Hà	19/02/1993	4.4	5.8	5.4	8.01	2-NT	0.50	ƯT2	1.00	25.11	
425	Điều dưỡng	DDTH76	Nguyễn Thị	Minh	11/08/1982	5.30	5.60	6.80	7.13	2	0.25	3	0.00	25.08	
426	Điều dưỡng	DD19839	Đỗ Kim	Cương	26/06/1989	4.7	5.4	6.1	7.86	3	0.00	ƯT2	1	25.06	
427	Điều dưỡng	DDHD109	LÊ THỊ KIM	CHI	24/07/1984	3.70	7.70	4.90	7.74	3	0	2	1	25.04	
428	Điều dưỡng	DDBCA01	Phạm Lan	Anh	29/8/1977	5.20	4.70	5.90	8.19	KV 3	0.00	ƯT 2	1.00	24.99	
429	Điều dưỡng	DDTH34	Trịnh Thị	Lý	19/11/1990	5.40	6.80	5.60	6.89	2	0.25	3	0.00	24.94	
430	Điều dưỡng	DDHY27	Bùi Văn	Hiệp	22/10/1990	5.7	5.5	4.7	7.78	2	0.25	ƯT2	1.00	24.93	
431	Điều dưỡng	DDTH11	Lê Thị Phương	Thảo	18/11/1989	5.30	5.20	5.40	7.47	2NT	0.50	2	1.00	24.87	
432	Điều dưỡng	DD19809	Nguyễn Thu	Hà	03/10/1996	6.40	7.50	7.20	3.35	2	0.25	ƯT3		24.70	
433	Điều dưỡng	DDHD120	LÊ HẢI	LY	05/02/1990	6.60	5.30	4.80	8.00	3	0	3	0	24.70	
434	Điều dưỡng	DDHY66	Bùi Thị	Phúc	20/04/1983	5.4	5.4	6.0	7.5	2	0.25	ƯT3	0.00	24.55	
435	Điều dưỡng	DDTH59	Nguyễn Nam	Hà	10/07/1991	5.20	5.90	5.20	6.89	2	0.25	2	1.00	24.44	
436	Điều dưỡng	DDHY68	Phạm Thị	Ngọc	09/01/1989	6.4	4.5	4.7	8.24	2-NT	0.50	ƯT3	0.00	24.34	
437	Điều dưỡng	DDTH46	Lê Thị	Ánh	26/10/1986	5.20	5.60	5.30	6.95	2	0.25	2	1.00	24.30	
438	Điều dưỡng	DDTH05	Lường Thị	Dự	02/02/1985	5.60	4.60	5.00	7.29	1	0.75	2	1.00	24.24	
439	Điều dưỡng	DD19833	Hoàng Thanh	Tùng	30/12/1979	4.60	4.40	5.70	8.2	2	0.25	ƯT2	1	24.15	
440	Điều dưỡng	DDHD87	ĐỖ VĂN	CÁNH	26/06/1994	5.80	4.50	6.00	7.60	2	0.25	3	0.00	24.15	
441	Điều dưỡng	DDHY26	Nguyễn Thị	Liên	14/11/1984	5.1	5.1	5.5	7.9	2-NT	0.50	ƯT3	0.00	24.10	
442	Điều dưỡng	DDHD82	CÁN THỊ THU	THẢO	15/08/1977	4.60	5.90	5.30	7.20	3	0	2	1	24.00	
443	Điều dưỡng	DDHY70	Trần Thị	Lụa	16/08/1981	4.1	4.6	5.9	8.04	2	0.25	ƯT2	1.00	23.89	
444	Điều dưỡng	DD19836	Nguyễn Văn	Trình	05/07/1970	4.30	5.40	5.60	7.50	3	0.00	ƯT2	1	23.80	

STT	Tên ngành học	MÃ HỒ SƠ	Họ	Tên	NGÀY SINH	Học Bạ (Lớp 12)			Điểm TBC hệ Cao đẳng (4)	Khu vực	Điểm ưu tiên khu vực (5)	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng (6)	Tổng điểm (1+2+3+4+5+6)	Ghi chú
						Toán (1)	Hóa (2)	Sinh (3)							
445	Điều dưỡng	DDTH18	Lê Duy	Đông	10/09/1989	5.00	4.80	5.60	6.81	2	0.25	2	1.00	23.46	
446	Điều dưỡng	DD19805	Hứa Thị	Chanh	08/06/1989	4.20	5.10	5.30	8.08	1	0.75	UT3	0.00	23.43	
447	Điều dưỡng	DDB21	Trần Tuấn	Anh	21/12/1990	4.80	6.20	4.10	7.31	KV3	0.00	UT2	1	23.41	
448	Điều dưỡng	DD19817	Nguyễn Huy	Hùng	28/08/1991	4.40	4.90	5.80	8.10	3	0.00	UT3	0.00	23.20	
449	Điều dưỡng	DDHD16	Phạm Thị	Thảo	12/12/1991	4.20	3.70	6.80	7.40	3	0	2	1	23.10	
450	Điều dưỡng	DDHD31	Đình Quốc	Tuấn	17/01/1989	3.20	5.70	5.20	8.00	3	0	2	1	23.10	
451	Điều dưỡng	DDHD29	Vũ Thu	Thủy	30/09/1981	4.80	4.60	4.90	7.48	3	0	2	1	22.78	
452	Điều dưỡng	DDB61	Phạm Thị	Huệ	12/7/1990	3.50	5.10	6.20	7.20	KV3	0.00	UT3	0	22.00	
453	Điều dưỡng	DDHD70	TRẦN THỊ THU	HIỀN	14/07/1981	4.70	4.10	5.50	7.70	3	0	3	0.00	22.00	
454	Điều dưỡng	DDHD104	NGÔ VĂN	HOÀNG	06/06/1994	3.00	4.80	5.80	7.95	2	0.25	3	0.00	21.80	

Tổng số: 454

Người lập biểu

HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải